BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: H2.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	23					
2	000002	0901010897	Ngô Thị Lan	Anh	27/12/2003	NH9A	23					
3	000003	0901070787	Đỗ Ngọc	Ánh	07/04/2003	NH9A	23					
4	000004	0901010358	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	11/12/2003	NH9A	23					
5	000005	0901010347	Dương Gia	Bảo	11/11/2003	NH9A	23					
6	000006	0901010423	Đỗ Linh	Chi	31/10/2003	NH9A	23					
7	000007	0901010123	Ngô Thành	Đạt	18/11/2003	NH9A	23					
8	000008	0901010372	Ma Văn	Đức	24/07/2003	NH9A	23					
9	000009	0901010915	Tạ Thị Thùy	Dung	21/12/2003	NH9A	23					
10	000010	0901010203	Trần Ngọc	Dung	19/08/2003	NH9A	23					
11	000011	0901010312	Bùi Trung	Dũng	19/12/2003	NH9A	23					
12	000012	0901020104	Nông Thái	Dương	11/11/2003	NH9A	23					
13	000013	0901010127	Cao Lâm	Duy	02/03/2000	NH9A	23					
14	000014	0901010493	Hoàng Thị	Duyên	26/11/2003	NH9A	23					
15	000015	0901010647	Lê Trường	Giang	25/08/2002	NH9A	23					
16	000016	0901010390	Nguyễn Minh	Hạnh	04/11/2003	NH9A	23					
17	000017	0901010937	Khương Minh	Hiền	29/11/2003	NH9A	23					
18	000018	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	23					
19	000019	0901010882	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/08/2003	NH9A	23					
20	000020	0901010169	Nguyễn Đức	Hiếu	09/07/2003	NH9A	23					
21	000021	0901020748	Vũ Thị	Hòa	05/04/2003	NH9A	23					
22	000022	0901010903	Nguyễn Việt	Hoàng	29/10/2003	NH9A	23					
23	000023	0901010504	Phạm Lê Huy	Hoàng	18/06/2003	NH9A	23					
24	000024	0901010725	Phạm Thị Thu	Huế	05/01/2003	NH9A	23					
25	000025	0901010611	Bùi Quốc	Huy	19/11/2003	NH9A	23					
26	000026	0901010147	Đoàn Thị	Huyền	18/07/1998	NH9A	23					
27	000027	0901010261	Nguyễn Năng	Khoa	16/03/2003	NH9A	23					
28	000028	0901010913	Trương Thi	Lệ	06/11/2003	NH9A	23					HP,ĐK
29	000029	0901010314	Nguyễn Khánh	Linh	06/12/2003	NH9A	23					
30	000030	0901010878	Đinh Hoàng	Long	09/10/2003	NH9A	23					
31	000031	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	23					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2
Giảng đường: H2.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	0901010134	Tống Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	23					
2	000033	0901010047	Trần Phú	Minh	18/05/2003	NH9A	23					
3	000034	0901010833	Đỗ Thị	Ngọc	09/09/2003	NH9A	23					
4	000035	0901010909	Phạm Văn	Nhật	27/03/2003	NH9A	23					
5	000036	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyển	Nhi	28/12/2003	NH9A	23					
6	000037	0901010583	Nguyễn Thế	Phú	04/08/2003	NH9A	23					
7	000038	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	23					
8	000039	0901010515	Lê Minh	Quân	19/12/2003	NH9A	23					
9	000040	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	23					
10	000041	0901010227	Nguyễn Hồng	Sơn	01/09/2003	NH9A	23					
11	000042	0901010398	Vũ Hồng	Sơn	01/07/2003	NH9A	23					
12	000043	0901070972	Nguyễn Hồng	Thái	06/10/2003	NH9A	23					
13	000044	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	23					
14	000045	0901010165	Ngô Phương	Thảo	30/12/2003	NH9A	23					
15	000046	0901010264	Hoàng Đức	Thiên	08/01/1998	NH9A	23					
16	000047	0901010653	Đỗ Thị Hoài	Thương	07/01/2003	NH9A	23					
17	000048	0901010188	Ngô Thùy	Trang	26/12/2003	NH9A	23					
18	000049	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH9A	23					
19	000050	0901030037	Nguyễn Thanh	Tuyền	12/08/2003	NH9A	23					
20	000051	0901010717	Quàng Văn	Ước	15/10/2003	NH9A	23					
21	000052	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	23					
22	000053	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	23					
23	000054	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH9A	23					ĐK
24	000055	0901010536	Bàn Thị	Vững	17/10/2003	NH9A	23					
25	000056	0901010802	Lý Thị	Xuân	22/02/2003	NH9A	23					
26	000057	0710311332	Lê Khánh	Toàn	22/10/2001	QT7A	24					HP,ĐK
27	000058	0901010406	Đào Minh	Anh	24/07/2003	TC9A	24					
28	000059	0901010533	Nguyễn Lan	Anh	01/06/2003	TC9A	24					
29	000060	0901010883	Phạm Thị Kim	Anh	06/01/2003	TC9A	24					
30	000061	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	TC9A	24					
31	000062	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	TC9A	24					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 3
Giảng đường: H2.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000063	0901010495	Vũ Viết	Bình	10/03/2003	TC9A	24					
2	000064	0901010130	Nguyễn Quỳnh	Chi	28/08/2003	TC9A	24					
3	000065	0901010669	Đỗ Thị Thùy	Dung	26/08/2003	TC9A	24					
4	000066	0901030405	Đào Lâm	Dũng	15/02/2003	TC9A	24					
5	000067	0901010365	Đỗ Văn	Duy	11/05/2003	TC9A	24					
6	000068	0901020399	Đàm Thu	Hà	16/09/2003	TC9A	24					
7	000069	0901010219	Vương Thị	Hằng	28/01/2003	TC9A	24					
8	000070	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	24					
9	000071	0901010988	Nguyễn Đức	Hiếu	28/05/2002	TC9A	24					HP,ĐK
10	000072	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	24					
11	000073	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	24					
12	000074	0901010777	Hà Vũ	Hưng	13/01/2003	TC9A	24					
13	000075	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	24					
14	000076	0901010062	Nguyễn Trần Trung	Kiên	25/03/2003	TC9A	24					
15	000077	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	TC9A	24					
16	000078	0901060039	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2003	TC9A	24					
17	000079	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	24					
18	000080	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	24					
19	000081	0901010506	Nguyễn Trà	My	25/12/2003	TC9A	24					
20	000082	0901010183	Nguyễn Thị Phương	Nga	30/10/2003	TC9A	24					
21	000083	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	24					
22	000084	0901010008	Lâm Bích	Ngọc	30/04/2003	TC9A	24					
23	000085	0901010507	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/09/2003	TC9A	24					
24	000086	0901010789	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/2003	TC9A	24					
25	000087	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	24					
26	000088	0901030133	Vũ Ngọc Phi	Sơn	19/08/2003	TC9A	24					
27	000089	0901010803	Phạm Thanh	Tâm	15/07/2003	TC9A	24					
28	000090	0901010055	Lê Hoàng	Thái	25/07/2003	TC9A	24					
29	000091	0901010153	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2003	TC9A	24					
30	000092	0901010278	Trần Phương	Thảo	24/09/2003	TC9A	24					
31	000093	0901010745	Tòng Văn	Thuận	15/08/2003	TC9A	24					
32	000094	0901010129	Ma Trịnh Hương	Trà	26/10/2003	TC9A	24					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 4
Giảng đường: H2.5_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000095	0901010546	Bùi Thị Huyền	Trang	21/05/2003	TC9A	24					
2	000096	0901010592	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/02/2003	TC9A	24					
3	000097	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	24					
4	000098	0901010328	Ngô Sinh	Vượng	28/08/2003	TC9A	24					
5	000099	0901010128	Vũ Mai	Vy	05/11/2003	TC9A	24					
6	000100	0901010498	Trần Thị Hải	Yến	09/10/2003	TC9A	24					
7	000101	0810110923	Hoàng Văn	Quế	05/05/2002	TC8A	25					
8	000102	0901010425	Phạm Nguyễn Mai	Anh	03/10/2003	TC9B	25					
9	000103	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	25					
10	000104	0901010584	Nguyễn Thị Linh	Bình	26/10/2003	TC9B	25					
11	000105	0901020744	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/03/2003	TC9B	25					
12	000106	0901010875	Đàm Phương	Dung	14/08/2003	TC9B	25					
13	000107	0901010413	Nguyễn Thùy	Dung	15/12/2003	TC9B	25					
14	000108	0901010158	Nguyễn Hùng	Dũng	09/11/2003	TC9B	25					
15	000109	0901010678	Trần Quí	Dương	05/09/2003	TC9B	25					
16	000110	0901010868	Đàm Hương	Giang	29/03/2003	TC9B	25					
17	000111	0901010246	Hoàng Thái	Hà	27/10/2003	TC9B	25					
18	000112	0901010686	Đào Thị Thanh	Hiền	07/10/2003	TC9B	25					
19	000113	0901010237	Nguyễn Huy	Hiệu	15/09/2003	TC9B	25					HP
20	000114	0901010673	Đỗ Thị Thu	Hòa	24/05/2003	TC9B	25					
21	000115	0901010284	Dương Thu	Hương	12/08/2003	TC9B	25					
22	000116	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	25					
23	000117	0901010950	Lê Thuý	Hường	11/08/2003	TC9B	25					
24	000118	0901010770	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/09/2003	TC9B	25					
25	000119	0901040571	Vũ Mai	Lan	03/11/2003	TC9B	25					
26	000120	0901010465	Quách Gia	Lân	23/11/2003	TC9B	25					
27	000121	0901011000	Nguyễn Thùy	Linh	30/03/2003	TC9B	25					
28	000122	0901020148	Nguyễn Đức	Lương	04/08/2003	TC9B	25					
29	000123	0901010603	Đỗ Thị Phương	Nga	11/11/2003	TC9B	25					
30	000124	0901010267	Trần Bích	Ngọc	06/09/2003	TC9B	25					
31	000125	0901010784	Tạ Thị Yến	Nhi	04/12/2003	TC9B	25					
32	000126	0901010914	Nguyễn Hồng	Nhung	17/04/2003	TC9B	25					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 5
Giảng đường: H3.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000127	0901010700	Lương Thị Thanh	Tâm	08/08/2003	TC9B	25					
2	000128	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	25					
3	000129	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	25					
4	000130	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	25					
5	000131	0901020101	Nguyễn Phương	Thảo	13/09/2003	TC9B	25					
6	000132	0901070408	Trịnh Anh	Thư	22/08/2003	TC9B	25					
7	000133	0901010605	Lê Hà	Thương	21/05/2003	TC9B	25					
8	000134	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	25					
9	000135	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	25					
10	000136	0901030322	Đào Phương	Anh	17/02/2003	QM9A	26					
11	000137	0901030048	Lê Hoàng	Anh	15/06/2003	QM9A	26					
12	000138	0901030871	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/09/2003	QM9A	26					
13	000139	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	26					
14	000140	0901030896	Trần Ngọc	Anh	18/11/2003	QM9A	26					
15	000141	0901030098	Dương Việt	Bách	01/09/2003	QM9A	26					
16	000142	0901030436	Phạm Minh	Châu	28/11/2003	QM9A	26					
17	000143	0901030470	Nguyễn Thúy	Dung	03/12/2003	QM9A	26					
18	000144	0901030704	Nguyễn Thị	Dương	01/06/2003	QM9A	26					
19	000145	0901030475	Nguyễn Ngọc	Duyên	19/11/2003	QM9A	26					
20	000146	0901030410	Lê Mạnh	Hào	15/09/2003	QM9A	26					
21	000147	0901030682	Đặng Văn	Hiệp	21/06/2003	QM9A	26					
22	000148	0901030683	Đoàn Thị Kim	Huệ	17/05/2003	QM9A	26					
23	000149	0901030765	Đinh Trọng	Khang	08/10/2003	QM9A	26					
24	000150	0901030220	Lê Thúy	Kiều	22/05/2003	QM9A	26					
25	000151	0901030537	Nguyễn Hoài	Lam	09/06/2003	QM9A	26					
26	000152	0901040602	Trịnh Nguyễn Thanh	Lâm	28/07/2003	QM9A	26					
27	000153	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	26					
28	000154	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	QM9A	26					
29	000155	0901030447	Nguyễn Đức	Mạnh	04/01/2003	QM9A	26					
30	000156	0901030054	Đậu Trà	Mi	17/11/2003	QM9A	26					
31	000157	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	26					
32	000158	0901030538	Bùi Thu	Ngọc	10/09/2003	QM9A	26					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 6
Giảng đường: H3.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000159	0901030888	Nguyễn Sinh	Ngọc	05/11/2003	QM9A	26					
2	000160	0901030259	Ngô Thị Hằng	Nhung	02/05/2003	QM9A	26					
3	000161	0901030776	Phạm Phú	Quân	23/10/2003	QM9A	26					
4	000162	0901070041	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/11/2003	QM9A	26					
5	000163	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	26					HP
6	000164	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	26					
7	000165	0901030901	Nguyễn Duy	Thông	10/02/2000	QM9A	26					
8	000166	0901030180	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/07/2003	QM9A	26					
9	000167	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	26					
10	000168	0901080857	Lương Thị Thu	Trang	17/05/2003	QM9A	26					
11	000169	0901030926	Chu Thành	Vinh	02/10/2002	QM9A	26					
12	000170	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	26					
13	000171	0710311091	Phan Tiến	Dũng	20/04/2001	QT7B	26					
14	000172	0901030194	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/07/2003	QM9B	27					
15	000173	0901030917	Phạm Nhật	Anh	08/09/2003	QM9B	27					
16	000174	0901030512	Trịnh Tú	Anh	30/10/2003	QM9B	27					
17	000175	0901030589	Bùi Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	QM9B	27					
18	000176	0901030523	Đặng Xuân	Diệu	22/12/2003	QM9B	27					
19	000177	0901030710	Lê Thuỳ	Dương	24/07/2003	QM9B	27					
20	000178	0901030483	Nguyễn Đức	Duy	27/10/2003	QM9B	27					
21	000179	0901030786	Hoàng Trung	Hải	27/06/2003	QM9B	27					
22	000180	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	QM9B	27					
23	000181	0901030768	Nguyễn Đức	Hiệu	24/05/2003	QM9B	27					
24	000182	0901030759	Nguyễn Thị	Huế	30/09/2003	QM9B	27					
25	000183	0901030660	Nguyễn Lan	Hương	08/01/2003	QM9B	27					
26	000184	0901030892	Trần Thị	Hường	10/04/2003	QM9B	27					
27	000185	0901030072	Nguyễn Tiến	Khôi	16/12/2003	QM9B	27					
28	000186	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B	27					
29	000187	0901030651	Nguyễn Hoàng	Lan	23/12/2003	QM9B	27					
30	000188	0901030713	Lê Thị	Linh	19/04/2003	QM9B	27					
31	000189	0901030511	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	14/10/2003	QM9B	27					
32	000190	0901030734	Nguyễn Thị Hương	Ly	03/11/2003	QM9B	27					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 7
Giảng đường: H3.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000191	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	27					
2	000192	0901030108	Phan Văn	Mạnh	27/05/2003	QM9B	27					
3	000193	0901030677	Nguyễn Thu	Nga	09/06/2003	QM9B	27					
4	000194	0901030957	Ưng Thị Quỳnh	Nga	28/09/2003	QM9B	27					
5	000195	0901030144	Vũ Thị Minh	Nguyệt	19/11/2003	QM9B	27					
6	000196	0901030214	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/2002	QM9B	27					
7	000197	0901030296	Vũ Minh	Phúc	23/02/2003	QM9B	27					
8	000198	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	QM9B	27					
9	000199	0901030387	Nguyễn Văn	Sáng	14/11/2002	QM9B	27					
10	000200	0901030697	Nguyễn Tiến	Thái	01/04/2002	QM9B	27					
11	000201	0901030350	Tống Đức	Thành	18/10/2003	QM9B	27					
12	000202	0901020912	Nguyễn Phương	Thảo	12/01/2003	QM9B	27					
13	000203	0901030920	Hoàng Thanh	Trà	14/12/2003	QM9B	27					HP,ĐK
14	000204	0901030708	Đặng Thị	Trang	02/08/2003	QM9B	27					
15	000205	0901010796	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/10/2003	QM9B	27					
16	000206	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	27					
17	000207	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B	27					
18	000208	0810310867	Đoàn Xuân	Bách	07/06/2002	QT8A	28					
19	000209	0810310879	Trần Thu	Huệ	25/09/2002	QT8A	28					
20	000210	0810310390	Phạm Ngọc	Tỉnh	02/09/2002	QT8A	28					
21	000211	0810310659	Trần Tuấn	Anh	22/05/2002	QT8B	28					
22	000212	0810310311	Nguyễn Mạnh	Hiến	16/11/2002	QT8B	28					
23	000213	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	28					
24	000214	0810310855	Vũ Xuân	Trường	04/11/2002	QT8B	28					
25	000215	0901020025	Bùi Minh	Anh	27/04/2003	QT9A	28					
26	000216	0901030941	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2003	QT9A	28					
27	000217	0901030491	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	03/07/2003	QT9A	28					
28	000218	0901030064	Nguyễn Thanh	Bình	10/04/2003	QT9A	28					
29	000219	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	28					
30	000220	0901030185	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/08/2003	QT9A	28					
31	000221	0901030254	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	QT9A	28					
32	000222	0901030058	Phạm Thị Hồng	Hạnh	02/07/2003	QT9A	28					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 8
Giảng đường: H3.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000223	0901030362	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/2003	QT9A	28					
2	000224	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	28					HP
3	000225	0901030715	Đào Quốc	Hiệu	01/10/2003	QT9A	28					
4	000226	0901030756	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QT9A	28					
5	000227	0901030477	Nguyễn Duy	Hưng	24/12/2003	QT9A	28					HP
6	000228	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	28					
7	000229	0901030695	Phạm Trung	Kiên	08/08/2003	QT9A	28					
8	000230	0901030154	Phạm Quốc	Lập	15/01/2003	QT9A	28					
9	000231	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	28					
10	000232	0901030753	Nguyễn Mai Thùy	Linh	17/11/2003	QT9A	28					
11	000233	0901030022	Phạm Thị Khánh	Ly	21/01/2003	QT9A	28					
12	000234	0901010113	Lưu Bá	Nghĩa	29/10/2003	QT9A	28					
13	000235	0901030524	Lê Thị Hồng	Ngọc	02/10/2003	QT9A	28					
14	000236	0901030752	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2003	QT9A	28					
15	000237	0901030656	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/08/2003	QT9A	28					
16	000238	0901030924	Dương Thị	Nhung	03/04/2003	QT9A	28					
17	000239	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	28					
18	000240	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	28					
19	000241	0901020652	Phạm Thị	Phương	05/07/2003	QT9A	28					
20	000242	0901030662	Đặng Anh	Quân	01/10/2003	QT9A	28					
21	000243	0901030266	Vũ Tuyết	Quỳnh	07/01/2003	QT9A	28					
22	000244	0901030466	Trần Ngọc	Thắng	02/10/2003	QT9A	28					
23	000245	0901030518	Đỗ Vân	Thanh	29/03/2003	QT9A	28					
24	000246	0901030829	Dương Minh	Tiến	02/01/2003	QT9A	28					
25	000247	0901030535	Hoàng Hương	Trang	10/11/2003	QT9A	28					
26	000248	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	28					
27	000249	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	28					
28	000250	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	29					
29	000251	0901010849	Phùng Thị Phương	Anh	03/09/2003	QT9B	29					
30	000252	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	29					
31	000253	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	29					
32	000254	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	29					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 9
Giảng đường: H4.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000255	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	29					
2	000256	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	29					
3	000257	0901030270	Đoàn Hữu	Dương	24/04/2003	QT9B	29					
4	000258	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	29					
5	000259	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	29					
6	000260	0901030417	Nguyễn Thị	Hiền	28/03/2003	QT9B	29					
7	000261	0901030132	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/2003	QT9B	29					
8	000262	0901030336	Nguyễn Huy	Hoàng	20/10/2003	QT9B	29					
9	000263	0901030895	Đỗ Thị	Huệ	23/01/2003	QT9B	29					
10	000264	0901030530	Phan Trọng	Hùng	01/03/2003	QT9B	29					
11	000265	0901030586	Nguyễn Duy	Hưng	27/01/2003	QT9B	29					
12	000266	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	29					
13	000267	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	29					
14	000268	0901030665	Lê Thị	Huyền	10/01/2003	QT9B	29					
15	000269	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	29					
16	000270	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	29					
17	000271	0901030131	Đỗ Thị	Linh	15/09/2003	QT9B	29					
18	000272	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	29					
19	000273	0901030067	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2003	QT9B	29					
20	000274	0901030247	Nguyễn Văn	Linh	17/08/2003	QT9B	29					
21	000275	0901030471	Đỗ Thị	Lương	15/11/2003	QT9B	29					
22	000276	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B	29					
23	000277	0901030681	Trịnh Kim	Ngân	12/09/2003	QT9B	29					
24	000278	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	29					
25	000279	0901030579	Vũ Hoàng	Ngọc	27/12/2003	QT9B	29					
26	000280	0901030916	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/12/2003	QT9B	29					
27	000281	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	29					
28	000282	0901030722	Trịnh Thị Thu	Phương	10/02/2003	QT9B	29					
29	000283	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	29					
30	000284	0901030028	Trần Minh	Quân	20/08/2003	QT9B	29					
31	000285	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	29					
32	000286	0901030961	Đỗ Ngọc	Thạch	22/04/1999	QT9B	29					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 10
Giảng đường: H4.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000287	0901030385	Nguyễn Đức	Thành	12/01/2003	QT9B	29					
2	000288	0901030212	Trương Viết	Thành	13/09/2002	QT9B	29					
3	000289	0901030275	Bùi Thị Hương	Thơm	10/02/2003	QT9B	29					
4	000290	0901030059	Trần Huy	Thuận	27/11/2003	QT9B	29					
5	000291	0901020159	Dương Thị Thanh	Thủy	17/04/2003	QT9B	29					HP,ĐK
6	000292	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	29					
7	000293	0901030085	Ngô Thu	Trang	09/12/2003	QT9B	29					
8	000294	0901030479	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/05/2003	QT9B	29					
9	000295	0901030666	Nguyễn Thu	Trang	26/10/2003	QT9B	29					
10	000296	0901070754	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/2003	QT9B	29					
11	000297	0901030103	Quách Huy	Trường	01/01/2002	QT9B	29					
12	000298	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	29					
13	000299	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	29					
14	000300	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B	29					
15	000301	0901030711	Trịnh Thị Như	Ý	03/08/2003	QT9B	29					
16	000302	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/02/2003	QT9C	30					
17	000303	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	QT9C	30					
18	000304	0901030590	Nguyễn Bá	Đạt	09/07/2003	QT9C	30					
19	000305	0901030881	Nguyễn Bình	Định	17/10/2003	QT9C	30					HP,ĐK
20	000306	0901030013	Lê Ánh	Dương	04/06/2003	QT9C	30					
21	000307	0901030200	Mai Thu	Giang	24/12/2003	QT9C	30					
22	000308	0901030823	Bùi Thị	Hảo	15/08/2003	QT9C	30					
23	000309	0901030635	Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2003	QT9C	30					
24	000310	0901030253	Phạm Khánh	Hòa	02/09/2003	QT9C	30					
25	000311	0901030866	Bùi Minh	Hoàng	26/11/2003	QT9C	30					
26	000312	0901030843	Đỗ Quốc	Hội	18/04/2003	QT9C	30					
27	000313	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	QT9C	30					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …… tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 11
Giảng đường: H4.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000314	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	30					HP
2	000315	0901030181	Lê Tuấn	Hưng	17/05/2003	QT9C	30					
3	000316	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	30					
4	000317	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	30					
5	000318	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	30					
6	000319	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	30					
7	000320	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	30					
8	000321	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	30					
9	000322	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	30					
10	000323	0901030797	Vũ Bình	Minh	19/11/2003	QT9C	30					
11	000324	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	QT9C	30					
12	000325	0901030629	Trần Thị Minh	Ngọc	10/08/2003	QT9C	30					
13	000326	0901030400	Vũ Văn	Ngọc	03/11/2003	QT9C	30					HP,ĐK
14	000327	0901030377	Đỗ Thị	Nhàn	08/12/2003	QT9C	30					
15	000328	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	30					
16	000329	0901030887	Ngô Thị Kim	Nhung	01/09/2003	QT9C	30					
17	000330	0901030600	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/2003	QT9C	30					
18	000331	0901030217	Nguyễn Quế	Sinh	20/12/2003	QT9C	30					HP
19	000332	0901030092	Đào Văn	Tâm	21/06/2002	QT9C	30					
20	000333	0901030286	Nguyễn Huy	Thành	04/12/2003	QT9C	30					
21	000334	0901030795	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2003	QT9C	30					
22	000335	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	30					
23	000336	0901030295	Phạm Bùi Minh	Thuận	25/02/2003	QT9C	30					
24	000337	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	30					
25	000338	0901030208	Nguyễn Văn	Trang	24/04/2003	QT9C	30					
26	000339	0901030508	Trần Thanh Thanh	Trúc	22/12/2003	QT9C	30					
27	000340	0901030781	Mai	Tùng	29/08/2003	QT9C	30					
28	000341	0901030009	Lại Đăng	Uyển	09/10/2003	QT9C	30					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 12
Giảng đường: A4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000342	0901060872	Nguyễn Công Kỳ	Anh	20/09/2003	KA9A	31					
2	000343	0901020572	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/2003	KA9A	31					
3	000344	0901020238	Trần Thị	Báu	03/12/2003	KA9A	31					
4	000345	0901060179	Hà Minh	Chi	24/06/2003	KA9A	31					
5	000346	0901060664	Phạm Thị	Chinh	05/05/2003	KA9A	31					
6	000347	0901020441	Lê Thị	Chúc	24/09/2003	KA9A	31					
7	000348	0901020060	Nguyễn Huyền	Diệu	23/11/2003	KA9A	31					
8	000349	0901010481	Trần Trung	Đức	16/01/2003	KA9A	31					
9	000350	0901060557	Hoàng Hương	Giang	22/03/2003	KA9A	31					
10	000351	0901060520	Bùi Bảo	Hân	12/10/2003	KA9A	31					
11	000352	0901020020	Nguyễn Huy	Hoàng	01/01/2003	KA9A	31					
12	000353	0901060667	Nguyễn Văn	Hưng	14/10/2003	KA9A	31					HP,ĐK
13	000354	0901060943	Nguyễn Thu	Hương	22/01/2003	KA9A	31					
14	000355	0901060221	Dương Thị Ngọc	Huyền	31/08/2003	KA9A	31					
15	000356	0901060348	Nguyễn Ngọc	Lam	22/09/2003	KA9A	31					
16	000357	0901030100	Giang Thị Hồng	Mai	02/06/2003	KA9A	31					
17	000358	0901060837	Nguyễn Thị	Mai	23/02/2003	KA9A	31					
18	000359	0901020925	Nguyễn Trà	My	12/07/2003	KA9A	31					
19	000360	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	31					
20	000361	0901060601	Phí Việt	Nhật	14/10/2003	KA9A	31					HP
21	000362	0901060451	Phạm Thị Út	Nhi	02/08/2003	KA9A	31					
22	000363	0901060723	Nguyễn Trí	Phong	05/12/2003	KA9A	31					HP,ĐK
23	000364	0901060525	Đỗ Phương	Thảo	13/11/2003	KA9A	31					
24	000365	0901060401	Đoàn Thị Thu	Thảo	10/03/2003	KA9A	31					
25	000366	0901030063	Bùi Thị	Trang	26/02/2003	KA9A	31					
26	000367	0901060218	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	26/06/2003	KA9A	31					
27	000368	0901060575	Phạm Thu	Trang	18/09/2003	KA9A	31					
28	000369	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	31					HP
29	000370	0901060742	Phùng Quang	Trường	02/11/2003	KA9A	31					
30	000371	0901020273	Nguyễn Tố	Uyên	24/09/2003	KA9A	31					
31	000372	0901060965	Đào Đức	Việt	21/12/2002	KA9A	31					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 13
Giảng đường: A5_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000373	0901030118	Nguyễn Hồng	Yến	21/11/2003	KA9A	31					
2	000374	0901020276	Đỗ Quỳnh	Anh	24/06/2003	KD9B	32					
3	000375	0901020456	Đỗ Thị Phương	Anh	21/07/2003	KD9B	32					
4	000376	0901020566	Đỗ Thị Vân	Anh	24/12/2003	KD9B	32					
5	000377	0901020001	Hoàng Thị Lan	Anh	27/04/2003	KD9B	32					
6	000378	0901020587	Lê Hải	Anh	06/06/2003	KD9B	32					
7	000379	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD9B	32					HP
8	000380	0901080967	Phan Phương	Anh	19/11/2003	KD9B	32					
9	000381	0901020610	Trương Thị Vân	Anh	11/04/2003	KD9B	32					
10	000382	0901030206	Vũ Minh	Anh	06/11/2003	KD9B	32					
11	000383	0901020468	Ngô Đình	Dương	14/05/2003	KD9B	32					
12	000384	0810811035	Đỗ Thu	Giang	09/10/2002	KD9B	32					
13	000385	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	32					
14	000386	0901020391	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/2003	KD9B	32					
15	000387	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	32					
16	000388	0901020563	Vũ Thị Bích	Hảo	01/01/2003	KD9B	32					
17	000389	0901020564	Vũ Thị Minh	Hiền	01/01/2003	KD9B	32					
18	000390	0901020510	Nguyễn Quỳnh	Hoa	16/12/2003	KD9B	32					
19	000391	0901020501	Nguyễn Thu	Huệ	08/11/2003	KD9B	32					
20	000392	0901020053	Vũ Thị	Huyền	28/01/1998	KD9B	32					
21	000393	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B	32					
22	000394	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	32					
23	000395	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	32					
24	000396	0901020741	Nguyễn Thị	Mai	12/07/2003	KD9B	32					
25	000397	0901020024	Vũ Nhật	Minh	13/07/2003	KD9B	32					
26	000398	0901020215	Đỗ Trà	My	01/06/2003	KD9B	32					
27	000399	0901020608	Vũ Thị Kim	Ngân	08/05/2003	KD9B	32					
28	000400	0901020317	Lê Thị	Ngọc	28/08/2003	KD9B	32					
29	000401	0901010236	Đinh Thị Thùy	Nhung	22/01/2003	KD9B	32					
30	000402	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phương	20/12/2003	KD9B	32					
31	000403	0901020798	Nguyễn Quang	Quý	26/01/2003	KD9B	32					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 14
Giảng đường: A6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000404	0901020019	Nguyễn Văn	Thành	20/08/2002	KD9B	32					
2	000405	0901020688	Đỗ Phương	Thảo	08/10/2003	KD9B	32					
3	000406	0901030814	Nguyễn Thu	Thảo	11/02/2003	KD9B	32					
4	000407	0901020052	Phạm Lê Thanh	Thảo	21/08/2003	KD9B	32					
5	000408	0901010804	Ngô Thị	Thủy	25/02/2003	KD9B	32					
6	000409	0901020606	Lưu Thị Kiều	Trang	21/11/2003	KD9B	32					
7	000410	0901020250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/08/2003	KD9B	32					
8	000411	0901020480	Thạch Thị Kiều	Trang	18/09/2003	KD9B	32					
9	000412	0901020769	Trần Thị Lan	Trinh	04/08/2003	KD9B	32					
10	000413	0901020607	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	KD9B	32					
11	000414	0901020081	Ngô Thị	Vân	20/10/2003	KD9B	32					
12	000415	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	32					
13	000416	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	KD9C	33					
14	000417	0901020229	Nguyễn Phương	Anh	02/09/2003	KD9C	33					
15	000418	0901020231	Nguyễn Phương	Anh	29/12/2003	KD9C	33					
16	000419	0901020429	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/03/2003	KD9C	33					
17	000420	0901020855	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2003	KD9C	33					
18	000421	0901020251	Chu Thị Ngọc	Ánh	23/08/2003	KD9C	33					
19	000422	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	33					
20	000423	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	33					
21	000424	0901020548	Nguyễn Tiến	Dũng	01/10/2003	KD9C	33					
22	000425	0901020623	Nguyễn Thùy	Dương	01/04/2003	KD9C	33					
23	000426	0901020045	Nguyễn Thị Hà	Giang	10/03/2003	KD9C	33					
24	000427	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	33					
25	000428	0901020035	Vũ Thúy	Hiền	23/10/2003	KD9C	33					
26	000429	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	33					
27	000430	0901020638	Khuất Duy	Hưng	13/12/2003	KD9C	33					
28	000431	0901020357	Phan Thị Quỳnh	Hương	21/11/2003	KD9C	33					
29	000432	0901020172	Vũ Thanh	Hương	09/07/1997	KD9C	33					HP,ĐK
30	000433	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	33					
31	000434	0901020811	Nguyễn Thị	Lành	20/02/2003	KD9C	33					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 15
Giảng đường: A7_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000435	0901010097	Ngô Diệu	Linh	06/12/2003	KD9C	33					HP
2	000436	0901020726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2003	KD9C	33					
3	000437	0901020516	Phạm Thị Hiền	Lương	25/08/2003	KD9C	33					
4	000438	0901020368	Nguyễn Thị Hồng	Mai	11/08/2003	KD9C	33					
5	000439	0901020448	Nguyễn Thị	Mùi	28/12/2003	KD9C	33					
6	000440	0901020625	Hà Kim	Ngân	08/04/2003	KD9C	33					
7	000441	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD9C	33					
8	000442	0901020201	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	KD9C	33					
9	000443	0901020319	Phạm Hồng	Nhung	09/01/2003	KD9C	33					
10	000444	0901020655	Hà Thu	Phương	17/12/2003	KD9C	33					
11	000445	0901020576	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/05/2003	KD9C	33					
12	000446	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD9C	33					HP,ĐK
13	000447	0901020758	Nguyễn Thị	Quý	28/07/2003	KD9C	33					
14	000448	0901020298	Nguyễn Bùi Trúc	Quỳnh	03/12/2003	KD9C	33					
15	000449	0901020476	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/10/2003	KD9C	33					
16	000450	0901020187	Phạm Phương	Thảo	26/12/2003	KD9C	33					
17	000451	0901020779	Lê Thị Huyền	Trang	21/03/2003	KD9C	33					
18	000452	0901020311	Lê Thị Quỳnh	Trang	05/06/2003	KD9C	33					
19	000453	0901020559	Trần Quỳnh	Trang	23/01/2003	KD9C	33					
20	000454	0901020086	Trần Thị Huyền	Trang	17/11/2003	KD9C	33					
21	000455	0901020381	Lê Thanh	Trúc	17/06/2003	KD9C	33					
22	000456	0901020168	Trần Khánh	Vân	02/12/2003	KD9C	33					
23	000457	0901020847	Nguyễn Thị	Xuyến	06/08/2003	KD9C	33					
24	000458	0901030044	Phạm Thị	Yến	04/11/2003	KD9C	33					
25	000459	0901020359	Lỗ Thị Mai	Anh	02/11/2003	KD9D	34					
26	000460	0901020906	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/07/2003	KD9D	34					
27	000461	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	34					
28	000462	0901020720	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/12/2003	KD9D	34					
29	000463	0901070716	Nguyễn Vũ Hà	Anh	23/10/2003	KD9D	34					
30	000464	0901020027	Phạm Hà Lan	Anh	25/12/2003	KD9D	34					
31	000465	0901020263	Phạm Lan	Anh	01/11/2003	KD9D	34					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 16
Giảng đường: A8_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000466	0901020449	Đỗ Thị	Ánh	11/02/2003	KD9D	34					
2	000467	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD9D	34					
3	000468	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	34					
4	000469	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	34					
5	000470	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	34					
6	000471	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	34					
7	000472	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	34					
8	000473	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	34					
9	000474	0901030207	Ngô Minh	Hiển	30/05/2003	KD9D	34					
10	000475	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	34					
11	000476	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	34					
12	000477	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	34					
13	000478	0901020344	Nguyễn Quang	Hưng	28/09/2003	KD9D	34					HP
14	000479	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	34					
15	000480	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	34					
16	000481	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	34					
17	000482	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	34					
18	000483	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	34					
19	000484	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	34					
20	000485	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	34					
21	000486	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	34					
22	000487	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	34					
23	000488	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	34					
24	000489	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/02/2003	KD9D	34					
25	000490	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	34					
26	000491	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	34					
27	000492	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	34					
28	000493	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	34					
29	000494	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	34					
30	000495	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	34					
31	000496	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	34					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 17
Giảng đường: A11_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000497	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	34					
2	000498	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	34					
3	000499	0901020521	Lê Thị Thuỳ	Trang	15/02/2003	KD9D	34					
4	000500	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	34					
5	000501	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	34					
6	000502	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	34					HP
7	000503	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	34					
8	000504	0901020663	Đỗ Thị Thúy	An	22/05/2003	KD9E	35					
9	000505	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	35					
10	000506	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	35					
11	000507	0901020324	Phạm Ngọc	Anh	18/09/2003	KD9E	35					
12	000508	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD9E	35					
13	000509	0901020403	Phạm Thị Ngọc	Ánh	16/08/2003	KD9E	35					HP
14	000510	0901020761	Võ Thị Quỳnh	Chi	29/12/2003	KD9E	35					
15	000511	0901020728	Hà Hồng	Duyên	13/06/2003	KD9E	35					
16	000512	0901020721	Đặng Thúy	Hà	24/04/2003	KD9E	35					
17	000513	0901020627	Hoàng Hải	Hà	28/11/2003	KD9E	35					
18	000514	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	35					HP
19	000515	0901020739	Nguyễn Thị Vân	Hằng	03/01/2003	KD9E	35					
20	000516	0901020503	Đỗ Thị	Hoa	07/03/2003	KD9E	35					HP,ĐK
21	000517	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	35					
22	000518	0901020488	Nguyễn Thanh	Hoài	13/06/2003	KD9E	35					
23	000519	0901020968	Trần Mạnh	Hùng	13/09/2003	KD9E	35					
24	000520	0901020487	Phùng	Hưng	06/12/2003	KD9E	35					
25	000521	0901020241	Trần Thị Việt	Hường	08/10/2003	KD9E	35					
26	000522	0901020886	Lê Ngọc	Huyền	22/08/2003	KD9E	35					
27	000523	0901020821	Nguyễn Thị Mai	Liên	11/10/2003	KD9E	35					
28	000524	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	35					HP
29	000525	0901060455	Vũ Thị Kim	Loan	31/03/2003	KD9E	35					
30	000526	0901020392	Nguyễn Thị	Ly	09/12/2003	KD9E	35					HP
31	000527	0901020690	Phạm Thị	Mai	24/05/2003	KD9E	35					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 18
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000528	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	35					HP
2	000529	0901030624	Quách Thị	My	06/06/2003	KD9E	35					
3	000530	0901020670	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/2003	KD9E	35					
4	000531	0901020106	Trần Hải	Ngọc	10/08/2002	KD9E	35					
5	000532	0901020853	Lục Ái	Như	10/06/2003	KD9E	35					
6	000533	0901030178	Trần Hồng	Nhung	17/12/2003	KD9E	35					
7	000534	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	35					
8	000535	0901020499	Nguyễn Minh	Phương	12/08/2003	KD9E	35					
9	000536	0901020290	Nguyễn Thị Thúy	Phương	27/12/2003	KD9E	35					
10	000537	0901020316	Nguyễn Minh	Quân	23/09/2003	KD9E	35					
11	000538	0901020834	Chu Trần Hương	Quỳnh	18/09/2003	KD9E	35					
12	000539	0901020379	Đào Phương	Thảo	17/11/2003	KD9E	35					
13	000540	0901020191	Lê Phương	Thảo	18/05/2003	KD9E	35					
14	000541	0901020437	Tô Phương	Thảo	14/04/2003	KD9E	35					
15	000542	0901020084	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/02/2003	KD9E	35					
16	000543	0901030252	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Thư	11/05/2003	KD9E	35					
17	000544	0901020529	Nguyễn Phương	Thúy	18/03/2003	KD9E	35					
18	000545	0901020574	Đào Thu	Trang	13/10/2003	KD9E	35					
19	000546	0901020746	Lê Thị Huyền	Trang	15/09/2003	KD9E	35					HP
20	000547	0901020271	Lê Thùy	Trang	16/05/2003	KD9E	35					
21	000548	0901020929	Nguyễn Thị	Trang	04/06/2003	KD9E	35					
22	000549	0901020747	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/03/2003	KD9E	35					HP
23	000550	0901020482	Trần Thị Thùy	Trang	28/02/2003	KD9E	35					
24	000551	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	35					
25	000552	0901040292	Đinh Văn	Tú	23/03/2003	KD9E	35					
26	000553	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	36					
27	000554	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	KD9G	36					
28	000555	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	36					
29	000556	0901020636	Phạm Phương	Anh	07/09/2003	KD9G	36					
30	000557	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	36					
31	000558	0901020687	Nguyễn Phương	Chinh	14/10/2003	KD9G	36					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 19
Giảng đường: A13_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000559	0901020393	Vũ Đỗ Hồng	Điệp	29/11/2003	KD9G	36					
2	000560	0901020308	Hoàng Bích	Duyên	21/05/2003	KD9G	36					
3	000561	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	KD9G	36					
4	000562	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	36					
5	000563	0901020038	Lưu Thị Thu	Hạnh	13/03/2003	KD9G	36					
6	000564	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD9G	36					
7	000565	0901020588	Phạm Thị Thu	Hoài	12/06/2003	KD9G	36					
8	000566	0901020300	Giáp Thị Thu	Hương	14/04/2000	KD9G	36					
9	000567	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	36					
10	000568	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	36					
11	000569	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	36					
12	000570	0901020860	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/01/2003	KD9G	36					
13	000571	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	36					
14	000572	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	36					
15	000573	0901020598	Nguyễn Hải	Ly	25/11/2003	KD9G	36					
16	000574	0901030057	Lưu Quang	Minh	29/07/2003	KD9G	36					
17	000575	0901020778	Lý Thị	My	22/02/2003	KD9G	36					
18	000576	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	36					HP,ĐK
19	000577	0901030813	Bùi Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	KD9G	36					
20	000578	0901020597	Nguyễn Hải	Phương	11/09/2003	KD9G	36					
21	000579	0901020824	Nguyễn Thu	Phương	26/08/2003	KD9G	36					
22	000580	0901020869	Dương Tuyết	Quỳnh	24/04/2003	KD9G	36					
23	000581	0901020071	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	04/10/2003	KD9G	36					
24	000582	0901010616	Trần Thị Như	Quỳnh	10/09/2003	KD9G	36					
25	000583	0901020421	Đào Mạnh	Sơn	02/11/2003	KD9G	36					
26	000584	0901020649	Lương Thị Phương	Thảo	06/04/2003	KD9G	36					
27	000585	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	KD9G	36					
28	000586	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	36					
29	000587	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	36					
30	000588	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	36					ĐK
31	000589	0901020963	Đinh Thanh	Tú	29/05/2003	KD9G	36					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 20
Giảng đường: A14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000590	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	36					
2	000591	0901020617	Lê Phan Phương	Uyên	01/09/2003	KD9G	36					
3	000592	0901020749	Trần Thảo	Vân	01/08/2003	KD9G	36					
4	000593	0901020087	Đỗ Phương	Anh	02/01/2003	KD9H	37					
5	000594	0901020167	Nguyễn Lan	Anh	08/11/2003	KD9H	37					
6	000595	0901040693	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/06/2003	KD9H	37					
7	000596	0901010029	Vũ Thị Kim	Cúc	18/12/2003	KD9H	37					
8	000597	0901020541	Nguyễn Ngọc	Diễm	24/10/2003	KD9H	37					
9	000598	0901020800	Nguyễn Thi Thu	Duyên	24/01/2003	KD9H	37					
10	000599	0901020626	Lê Thị	Hà	29/11/2003	KD9H	37					
11	000600	0901020940	Phạm Minh	Hằng	13/03/2003	KD9H	37					
12	000601	0901020342	Phạm Thu	Hằng	03/11/2003	KD9H	37					
13	000602	0901020637	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/07/2003	KD9H	37					
14	000603	0901020939	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	11/10/2003	KD9H	37					
15	000604	0901020145	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	16/12/2003	KD9H	37					
16	000605	0901020026	Phạm Thị Mai	Hoa	25/09/2003	KD9H	37					
17	000606	0901020453	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	25/10/2003	KD9H	37					
18	000607	0901020532	Ngô Mai	Hương	10/11/2003	KD9H	37					
19	000608	0901020542	Lê Thị Khánh	Huyền	22/11/2003	KD9H	37					
20	000609	0901020199	Đỗ Xuân	Huỳnh	20/10/2003	KD9H	37					
21	000610	0901020633	Đỗ Lê	Khánh	23/12/2003	KD9H	37					
22	000611	0901020891	Nguyễn Ngọc	Lan	20/11/2003	KD9H	37					
23	000612	0901020258	Chu Thị Thùy	Linh	06/02/2003	KD9H	37					
24	000613	0901020095	Huỳnh Diệu	Linh	07/11/2003	KD9H	37					
25	000614	0901020313	Phạm Hải	Lý	26/02/2002	KD9H	37					
26	000615	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	37					
27	000616	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	37					
28	000617	0901020321	Phạm Thị Kim	Ngân	02/10/2003	KD9H	37					
29	000618	0901020472	Hà Kiều	Nhi	05/09/2003	KD9H	37					
30	000619	0901030581	Phạm Hồng	Phương	03/12/2003	KD9H	37					
31	000620	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	37					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 21
Giảng đường: A20_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000621	0901020397	Phạm Thị	Phượng	21/02/2003	KD9H	37					
2	000622	0901020469	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2003	KD9H	37					
3	000623	0901020793	Phan Thị	Thắm	16/07/2003	KD9H	37					
4	000624	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	37					
5	000625	0901020353	Đỗ Thị	Thảo	23/02/2003	KD9H	37					
6	000626	0901020157	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	22/08/2003	KD9H	37					
7	000627	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	KD9H	37					
8	000628	0901020320	Phạm Thanh	Thư	09/05/2003	KD9H	37					HP,ĐK
9	000629	0901020155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/2003	KD9H	37					
10	000630	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	37					
11	000631	0901020773	Trần Anh	Tuấn	08/10/2003	KD9H	37					
12	000632	0901020234	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/2003	KD9H	37					HP,ĐK
13	000633	0901060463	Phạm Thị	Uyên	04/04/2003	KD9H	37					
14	000634	0901030549	Đỗ Thị	Vui	26/02/2003	KD9H	37					
15	000635	0810211791	Vũ Thị Thúy	Hường	15/03/2002	KD8B	38					
16	000636	0810210121	Phạm Thị Yến	Nhi	28/11/1998	KD8B	38					
17	000637	0810210120	Phạm Thị Phương	Nhi	01/04/2002	KD8E	38					
18	000638	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	38					
19	000639	0901020426	Quản Thị Vân	Anh	26/11/2003	KD9K	38					
20	000640	0901020801	Phạm Thị	Châm	11/03/2003	KD9K	38					
21	000641	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	38					
22	000642	0901020333	Hà Thúy	Diệp	06/05/2003	KD9K	38					
23	000643	0901020445	Lê Thùy	Dung	13/04/2003	KD9K	38					
24	000644	0901010994	Đỗ Hữu	Dũng	15/07/2001	KD9K	38					HP
25	000645	0901020774	Hoàng Thị Thùy	Dương	09/10/2003	KD9K	38					
26	000646	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	38					
27	000647	0901020346	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/12/2003	KD9K	38					
28	000648	0901020845	Nguyễn Thu	Giang	25/02/2003	KD9K	38					
29	000649	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	38					
30	000650	0901020642	Đinh Thị	Hậu	04/10/2003	KD9K	38					
31	000651	0901020232	Trịnh Minh	Hiếu	15/12/2003	KD9K	38					
32	000652	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	38					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 22
Giảng đường: B6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000653	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	KD9K	38					
2	000654	0901020751	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/02/2003	KD9K	38					
3	000655	0901020407	Lê Kim	Khánh	04/10/2003	KD9K	38					
4	000656	0901020242	Bùi Thị	Linh	01/12/2003	KD9K	38					
5	000657	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K	38					
6	000658	0901020260	Đỗ Thùy	Linh	27/07/2003	KD9K	38					
7	000659	0901020613	Nguyễn Thanh	Loan	31/12/2003	KD9K	38					
8	000660	0901020980	Hoàng Văn	Minh	04/09/2002	KD9K	38					
9	000661	0901020622	Nguyễn Thị Phương	Minh	04/11/2003	KD9K	38					
10	000662	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	KD9K	38					
11	000663	0901020615	Vương Hồng Thủy	Ngân	12/04/2003	KD9K	38					
12	000664	0901010210	Lê Nguyễn Phương	Nhi	17/12/2003	KD9K	38					
13	000665	0901020109	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/07/2003	KD9K	38					
14	000666	0901020438	Lê Tấn	Phát	01/01/2003	KD9K	38					
15	000667	0901020791	Nguyễn Phương	Quỳnh	29/07/2003	KD9K	38					
16	000668	0901020066	Đặng Hồng	Thắm	04/03/2003	KD9K	38					
17	000669	0901020505	Nguyễn Phương	Thảo	18/04/2003	KD9K	38					
18	000670	0901020126	Trần Thị Minh	Thư	05/01/2003	KD9K	38					
19	000671	0901020921	Cáp Thị Thanh	Tiệp	12/02/2003	KD9K	38					
20	000672	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	38					
21	000673	0901020382	Đỗ Thu	Trang	04/03/2003	KD9K	38					
22	000674	0901020714	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/05/2003	KD9K	38					
23	000675	0901010042	Vũ Huyền	Trang	14/12/2003	KD9K	38					
24	000676	0901020112	Lê Việt	Trinh	28/08/2001	KD9K	38					
25	000677	0901020898	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	30/12/2003	KD9K	38					
26	000678	0901020680	Trần Duy	Tùng	12/07/2003	KD9K	38					
27	000679	0901020496	Nguyễn Thị	Xuân	23/04/2003	KD9K	38					
28	000680	0901020297	Hà Phương	Anh	21/02/2003	KD9M	39					
29	000681	0901020288	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2003	KD9M	39					
30	000682	0901020844	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/10/2003	KD9M	39					
31	000683	0901020049	Trần Mỹ	Anh	27/04/2003	KD9M	39					ĐK
32	000684	0901020474	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07/07/2003	KD9M	39					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 23
Giảng đường: B10_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000685	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	39					
2	000686	0901030326	Phạm Thị	Doanh	07/07/2003	KD9M	39					
3	000687	0901020075	Lê Thị Thùy	Dương	18/06/2003	KD9M	39					
4	000688	0901020310	Chu Thị	Hài	15/11/2003	KD9M	39					
5	000689	0901020543	Đào Thu	Hiền	27/01/2003	KD9M	39					
6	000690	0901020930	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/12/2003	KD9M	39					
7	000691	0901010685	Bùi Tuyết	Hoa	31/07/2003	KD9M	39					
8	000692	0901020890	Lê Thị Hồng	Hoa	24/05/2003	KD9M	39					
9	000693	0901020443	Trần Thanh	Hoàng	21/02/2003	KD9M	39					
10	000694	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	39					
11	000695	0901020484	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/09/2003	KD9M	39					
12	000696	0901020654	Nguyễn Thu	Huyền	06/02/2003	KD9M	39					
13	000697	0901020272	Trần Hoàng	Khánh	03/10/2003	KD9M	39					
14	000698	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	39					ĐK
15	000699	0901020861	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2003	KD9M	39					
16	000700	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	39					
17	000701	0901030080	Đoàn Thị Ngọc	Mai	15/12/2003	KD9M	39					
18	000702	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	39					
19	000703	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	39					
20	000704	0901020842	Ngô Thị Phương	Nga	31/03/2003	KD9M	39					
21	000705	0901020114	Trần Thị Kim	Nghĩa	11/04/2003	KD9M	39					
22	000706	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	KD9M	39					
23	000707	0901060567	Lê Hồng	Phong	13/07/2003	KD9M	39					
24	000708	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	39					
25	000709	0901020467	Hoàng Thị Tâm	Thanh	20/12/2003	KD9M	39					
26	000710	0901020828	Đoàn Hương	Thảo	01/06/2003	KD9M	39					
27	000711	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	39					
28	000712	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	KD9M	39					
29	000713	0901020136	Ngô Xuân	Thức	07/03/2003	KD9M	39					
30	000714	0901020893	Đoàn Lãnh	Thúy	26/08/2003	KD9M	39					
31	000715	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	KD9M	39					
32	000716	0901030684	Đỗ Thu	Trang	25/03/2003	KD9M	39					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 24
Giảng đường: B14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000717	0901020329	Nguyễn Thùy	Trang	28/05/2003	KD9M	39					
2	000718	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	39					
3	000719	0901020383	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12/02/2003	KD9M	39					
4	000720	0901020743	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/03/2003	KD9M	39					
5	000721	0901020268	Đặng Thanh	Vân	16/12/2003	KD9M	39					
6	000722	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	39					
7	000723	0901020318	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/09/2003	KD9M	39					
8	000724	0901020936	Phạm Lê Nhật	An	30/10/2003	KD9N	40					
9	000725	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	40					
10	000726	0901030135	Lã Hải	Anh	24/09/2003	KD9N	40					HP,ĐK
11	000727	0901020034	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/07/2003	KD9N	40					
12	000728	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	40					
13	000729	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	40					
14	000730	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	40					HP,ĐK
15	000731	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	40					
16	000732	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	40					
17	000733	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	40					HP
18	000734	0901020446	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/2003	KD9N	40					
19	000735	0901020335	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	04/11/2003	KD9N	40					
20	000736	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hảo	26/09/2003	KD9N	40					
21	000737	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	40					
22	000738	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	40					HP,ĐK
23	000739	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	40					
24	000740	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	40					
25	000741	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	40					
26	000742	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	40					
27	000743	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N	40					HP,ĐK
28	000744	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	40					
29	000745	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	40					
30	000746	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	40					
31	000747	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	40					
32	000748	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	40					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 25
Giảng đường: B15_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000749	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	40					
2	000750	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	40					
3	000751	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	40					
4	000752	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	40					
5	000753	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	40					
6	000754	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	40					
7	000755	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	40					
8	000756	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	40					
9	000757	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N	40					HP,ĐK
10	000758	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	40					
11	000759	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	40					
12	000760	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	40					
13	000761	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	40					
14	000762	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	40					
15	000763	0901020315	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/10/2002	KD9N	40					
16	000764	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	40					
17	000765	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	40					
18	000766	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	40					HP,ĐK
19	000767	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	40					
20	000768	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	40					
21	000769	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	40					
22	000770	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	40					
23	000771	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	40					
24	000772	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	KL9A	41					
25	000773	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	KL9A	41					
26	000774	0901070462	Lê Hoàng	Linh	18/12/2003	KL9A	41					
27	000775	0901070938	Trần Thế	Sơn	21/01/2003	KL9A	41					
28	000776	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	41					
29	000777	0901010794	Phạm Duy	Bách	09/12/2003	QL9A	41					
30	000778	0901020094	Đỗ Văn	Bình	19/10/2003	QL9A	41					
31	000779	0901040766	Hoàng Minh	Châu	15/12/2003	QL9A	41					
32	000780	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	41					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 26
Giảng đường: B16_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000781	0901070240	Nguyễn Vũ	Đức	15/12/2003	QL9A	41					
2	000782	0901070609	Trần	Hoàn	09/07/2003	QL9A	41					
3	000783	0901070735	Trần Ngọc	Linh	14/07/2003	QL9A	41					
4	000784	0901070552	Vũ Thùy	Linh	16/09/2003	QL9A	41					
5	000785	0901080877	Phạm Thị Tố	Nga	02/10/2003	QL9A	41					
6	000786	0901020954	Lương Đức	Thao	20/11/2003	QL9A	41					
7	000787	0901070772	Đào Việt	Tuấn	10/05/2003	QL9A	41					ĐK
8	000788	0901070788	Trương Thị	Uyên	01/05/2003	QL9A	41					
9	000789	0901080639	Bùi Lan	Anh	15/07/2003	TM9A	42					
10	000790	0901080648	Mai Yến	Anh	11/06/2003	TM9A	42					
11	000791	0901020812	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/09/2003	TM9A	42					
12	000792	0901080709	Phạm Thị Vân	Anh	25/05/2003	TM9A	42					
13	000793	0901080876	Phùng Nguyễn Tú	Anh	27/09/2003	TM9A	42					
14	000794	0901080534	Công Phương Uyển	Chi	22/06/2003	TM9A	42					
15	000795	0901080356	Đỗ Thị	Chinh	08/02/2003	TM9A	42					
16	000796	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	42					
17	000797	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	42					
18	000798	0901080444	Ngô Thị	Dương	22/09/2003	TM9A	42					
19	000799	0901080373	Nguyễn Ánh	Dương	19/08/2003	TM9A	42					
20	000800	0901080856	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/12/2003	TM9A	42					
21	000801	0901080517	Đào Thu	Hảo	10/06/2003	TM9A	42					
22	000802	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	42					
23	000803	0901080343	Nguyễn Thị Phú	Hoa	13/11/2003	TM9A	42					
24	000804	0901080948	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/07/2003	TM9A	42					
25	000805	0901080956	Vũ Thị	Hoa	12/04/2002	TM9A	42					
26	000806	0901080953	Trần Thị Bích	Huyên	13/12/2002	TM9A	42					
27	000807	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	42					
28	000808	0901080262	Bùi Quang	Linh	21/03/2003	TM9A	42					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày ..... tháng .... Năm .....

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 27
Giảng đường: B4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000809	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM9A	42					
2	000810	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	42					HP
3	000811	0901080439	Vũ Trà	My	21/01/2003	TM9A	42					
4	000812	0901080283	Nguyễn Thanh	Nam	10/04/2003	TM9A	42					
5	000813	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	42					
6	000814	0901080820	Trần Thu	Nguyệt	18/12/2003	TM9A	42					HP
7	000815	0901080969	Phạm Thanh	Nhàn	01/01/2003	TM9A	42					
8	000816	0901080091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	TM9A	42					
9	000817	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	42					
10	000818	0901080867	Trần Thị Mai	Phương	29/08/2003	TM9A	42					
11	000819	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	TM9A	42					
12	000820	0901080841	Tòng Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	42					
13	000821	0901080555	Đặng Phương	Thảo	25/01/2003	TM9A	42					
14	000822	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	42					
15	000823	0901080970	Nguyễn Mạnh	Thiện	27/06/1993	TM9A	42					
16	000824	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	42					
17	000825	0901080442	Vũ Thị	Trà	14/12/2003	TM9A	42					
18	000826	0901030461	Đặng Thị	Trang	11/06/2003	TM9A	42					
19	000827	0901080450	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/05/2003	TM9A	42					
20	000828	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	42					
21	000829	0901080431	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/08/2003	TM9A	42					
22	000830	0901080216	Lê Quang	Trường	25/08/2003	TM9A	42					
23	000831	0901080010	Lê Thị	Tuyền	18/08/2003	TM9A	42					
24	000832	0901080604	Đới Thị	Vân	07/02/2003	TM9A	42					
25	000833	0901080632	Phan Hà	Vy	23/09/2003	TM9A	42					
26	000834	0901080889	Nguyễn Hải	Yến	15/09/2003	TM9A	42					
27	000835	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	42					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …… tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2
Giảng đường: H2.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	0901010134	Tống Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	Nam	23					
2	000033	0901010047	Trần Phú	Minh	18/05/2003	NH9A	Nam	23					
3	000034	0901010833	Đỗ Thị	Ngọc	09/09/2003	NH9A	Nữ	23					
4	000035	0901010909	Phạm Văn	Nhật	27/03/2003	NH9A	Nam	23					
5	000036	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyển	Nhi	28/12/2003	NH9A	Nữ	23					
6	000037	0901010583	Nguyễn Thế	Phú	04/08/2003	NH9A	Nam	23					
7	000038	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH9A	Nam	23					
8	000039	0901010515	Lê Minh	Quân	19/12/2003	NH9A	Nam	23					
9	000040	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	Nam	23					
10	000041	0901010227	Nguyễn Hồng	Sơn	01/09/2003	NH9A	Nam	23					
11	000042	0901010398	Vũ Hồng	Sơn	01/07/2003	NH9A	Nam	23					
12	000043	0901070972	Nguyễn Hồng	Thái	06/10/2003	NH9A	Nam	23					
13	000044	0901010149	Vũ Duy	Thái	11/08/2003	NH9A	Nam	23					
14	000045	0901010165	Ngô Phương	Thảo	30/12/2003	NH9A	Nữ	23					
15	000046	0901010264	Hoàng Đức	Thiên	08/01/1998	NH9A	Nam	23					
16	000047	0901010653	Đỗ Thị Hoài	Thương	07/01/2003	NH9A	Nữ	23					
17	000048	0901010188	Ngô Thùy	Trang	26/12/2003	NH9A	Nữ	23					
18	000049	0901030111	Hoàng Minh	Trí	28/12/2003	NH9A	Nam	23					
19	000050	0901030037	Nguyễn Thanh	Tuyền	12/08/2003	NH9A	Nữ	23					
20	000051	0901010717	Quàng Văn	Ước	15/10/2003	NH9A	Nam	23					
21	000052	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	Nữ	23					
22	000053	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	Nam	23					
23	000054	0901010289	Nguyễn Quang	Vũ	17/05/2003	NH9A	Nam	23					ĐK
24	000055	0901010536	Bàn Thị	Vững	17/10/2003	NH9A	Nam	23					
25	000056	0901010802	Lý Thị	Xuân	22/02/2003	NH9A	Nữ	23					
26	000057	0710311332	Lê Khánh	Toàn	22/10/2001	QT7A	Nam	24					HP,ĐK
27	000058	0901010406	Đào Minh	Anh	24/07/2003	TC9A	Nữ	24					
28	000059	0901010533	Nguyễn Lan	Anh	01/06/2003	TC9A	Nữ	24					
29	000060	0901010883	Phạm Thị Kim	Anh	06/01/2003	TC9A	Nữ	24					
30	000061	0901010490	Trần Thị Mai	Anh	06/06/2003	TC9A	Nữ	24					
31	000062	0901010409	Nguyễn Minh	Ánh	09/07/2003	TC9A	Nữ	24					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 11
Giảng đường: H4.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000314	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	Nam	30					HP
2	000315	0901030181	Lê Tuấn	Hưng	17/05/2003	QT9C	Nam	30					
3	000316	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	Nữ	30					
4	000317	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	Nam	30					
5	000318	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	Nam	30					
6	000319	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	Nam	30					
7	000320	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	Nữ	30					
8	000321	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	Nam	30					
9	000322	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	Nữ	30					

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 3
Giảng đường: H2.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000063	0901010495	Vũ Viết	Bình	10/03/2003	TC9A	Nam	24					
2	000064	0901010130	Nguyễn Quỳnh	Chi	28/08/2003	TC9A	Nữ	24					
3	000065	0901010669	Đỗ Thị Thùy	Dung	26/08/2003	TC9A	Nữ	24					
4	000066	0901030405	Đào Lâm	Dũng	15/02/2003	TC9A	Nam	24					
5	000067	0901010365	Đỗ Văn	Duy	11/05/2003	TC9A	Nam	24					
6	000068	0901020399	Đàm Thu	Hà	16/09/2003	TC9A	Nữ	24					
7	000069	0901010219	Vương Thị	Hằng	28/01/2003	TC9A	Nữ	24					
8	000070	0901010211	Bùi Ngọc	Hiếu	17/10/2003	TC9A	Nam	24					
9	000071	0901010988	Nguyễn Đức	Hiếu	28/05/2002	TC9A	Nam	24					HP,ĐK
10	000072	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	Nữ	24					
11	000073	0901070404	Thân Mạnh	Hùng	17/06/2003	TC9A	Nam	24					
12	000074	0901010777	Hà Vũ	Hưng	13/01/2003	TC9A	Nam	24					
13	000075	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	Nữ	24					
14	000076	0901010062	Nguyễn Trần Trung	Kiên	25/03/2003	TC9A	Nam	24					
15	000077	0901010420	Lê Tùng	Lâm	14/10/2003	TC9A	Nam	24					
16	000078	0901060039	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2003	TC9A	Nữ	24					
17	000079	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	Nữ	24					
18	000080	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	Nam	24					
19	000081	0901010506	Nguyễn Trà	My	25/12/2003	TC9A	Nữ	24					
20	000082	0901010183	Nguyễn Thị Phương	Nga	30/10/2003	TC9A	Nữ	24					
21	000083	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	Nữ	24					
22	000084	0901010008	Lâm Bích	Ngọc	30/04/2003	TC9A	Nữ	24					
23	000085	0901010507	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/09/2003	TC9A	Nữ	24					
24	000086	0901010789	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/2003	TC9A	Nữ	24					
25	000087	0901010402	Phạm Hồng	Phượng	13/06/2003	TC9A	Nữ	24					
26	000088	0901030133	Vũ Ngọc Phi	Sơn	19/08/2003	TC9A	Nam	24					
27	000089	0901010803	Phạm Thanh	Tâm	15/07/2003	TC9A	Nữ	24					
28	000090	0901010055	Lê Hoàng	Thái	25/07/2003	TC9A	Nam	24					
29	000091	0901010153	Đỗ Phương	Thảo	08/04/2003	TC9A	Nữ	24					
30	000092	0901010278	Trần Phương	Thảo	24/09/2003	TC9A	Nữ	24					
31	000093	0901010745	Tòng Văn	Thuận	15/08/2003	TC9A	Nam	24					
32	000094	0901010129	Ma Trịnh Hương	Trà	26/10/2003	TC9A	Nữ	24					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 4
Giảng đường: H2.5_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000095	0901010546	Bùi Thị Huyền	Trang	21/05/2003	TC9A	Nữ	24					
2	000096	0901010592	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/02/2003	TC9A	Nữ	24					
3	000097	0901010121	Đinh Ngọc	Tùng	25/04/2003	TC9A	Nam	24					
4	000098	0901010328	Ngô Sinh	Vượng	28/08/2003	TC9A	Nam	24					
5	000099	0901010128	Vũ Mai	Vy	05/11/2003	TC9A	Nữ	24					
6	000100	0901010498	Trần Thị Hải	Yến	09/10/2003	TC9A	Nam	24					
7	000101	0810110923	Hoàng Văn	Quế	05/05/2002	TC8A	Nam	25					
8	000102	0901010425	Phạm Nguyễn Mai	Anh	03/10/2003	TC9B	Nữ	25					
9	000103	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	Nam	25					
10	000104	0901010584	Nguyễn Thị Linh	Bình	26/10/2003	TC9B	Nữ	25					
11	000105	0901020744	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/03/2003	TC9B	Nữ	25					
12	000106	0901010875	Đàm Phương	Dung	14/08/2003	TC9B	Nữ	25					
13	000107	0901010413	Nguyễn Thùy	Dung	15/12/2003	TC9B	Nữ	25					
14	000108	0901010158	Nguyễn Hùng	Dũng	09/11/2003	TC9B	Nam	25					
15	000109	0901010678	Trần Quí	Dương	05/09/2003	TC9B	Nam	25					
16	000110	0901010868	Đàm Hương	Giang	29/03/2003	TC9B	Nữ	25					
17	000111	0901010246	Hoàng Thái	Hà	27/10/2003	TC9B	Nam	25					
18	000112	0901010686	Đào Thị Thanh	Hiền	07/10/2003	TC9B	Nữ	25					
19	000113	0901010237	Nguyễn Huy	Hiệu	15/09/2003	TC9B	Nam	25					HP
20	000114	0901010673	Đỗ Thị Thu	Hòa	24/05/2003	TC9B	Nữ	25					
21	000115	0901010284	Dương Thu	Hương	12/08/2003	TC9B	Nữ	25					
22	000116	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	Nữ	25					
23	000117	0901010950	Lê Thuý	Hường	11/08/2003	TC9B	Nữ	25					
24	000118	0901010770	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/09/2003	TC9B	Nữ	25					
25	000119	0901040571	Vũ Mai	Lan	03/11/2003	TC9B	Nữ	25					
26	000120	0901010465	Quách Gia	Lân	23/11/2003	TC9B	Nam	25					
27	000121	0901011000	Nguyễn Thùy	Linh	30/03/2003	TC9B	Nữ	25					
28	000122	0901020148	Nguyễn Đức	Lương	04/08/2003	TC9B	Nam	25					
29	000123	0901010603	Đỗ Thị Phương	Nga	11/11/2003	TC9B	Nữ	25					
30	000124	0901010267	Trần Bích	Ngọc	06/09/2003	TC9B	Nữ	25					
31	000125	0901010784	Tạ Thị Yến	Nhi	04/12/2003	TC9B	Nữ	25					
32	000126	0901010914	Nguyễn Hồng	Nhung	17/04/2003	TC9B	Nữ	25					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 5
Giảng đường: H3.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000127	0901010700	Lương Thị Thanh	Tâm	08/08/2003	TC9B	Nữ	25					
2	000128	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	Nam	25					
3	000129	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	Nam	25					
4	000130	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	Nữ	25					
5	000131	0901020101	Nguyễn Phương	Thảo	13/09/2003	TC9B	Nữ	25					
6	000132	0901070408	Trịnh Anh	Thư	22/08/2003	TC9B	Nữ	25					
7	000133	0901010605	Lê Hà	Thương	21/05/2003	TC9B	Nữ	25					
8	000134	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	Nữ	25					
9	000135	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	Nữ	25					
10	000136	0901030322	Đào Phương	Anh	17/02/2003	QM9A	Nữ	26					
11	000137	0901030048	Lê Hoàng	Anh	15/06/2003	QM9A	Nam	26					
12	000138	0901030871	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/09/2003	QM9A	Nữ	26					
13	000139	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	Nữ	26					
14	000140	0901030896	Trần Ngọc	Anh	18/11/2003	QM9A	Nữ	26					
15	000141	0901030098	Dương Việt	Bách	01/09/2003	QM9A	Nam	26					
16	000142	0901030436	Phạm Minh	Châu	28/11/2003	QM9A	Nữ	26					
17	000143	0901030470	Nguyễn Thúy	Dung	03/12/2003	QM9A	Nữ	26					
18	000144	0901030704	Nguyễn Thị	Dương	01/06/2003	QM9A	Nữ	26					
19	000145	0901030475	Nguyễn Ngọc	Duyên	19/11/2003	QM9A	Nữ	26					
20	000146	0901030410	Lê Mạnh	Hào	15/09/2003	QM9A	Nam	26					
21	000147	0901030682	Đặng Văn	Hiệp	21/06/2003	QM9A	Nam	26					
22	000148	0901030683	Đoàn Thị Kim	Huệ	17/05/2003	QM9A	Nữ	26					
23	000149	0901030765	Đinh Trọng	Khang	08/10/2003	QM9A	Nam	26					
24	000150	0901030220	Lê Thúy	Kiều	22/05/2003	QM9A	Nữ	26					
25	000151	0901030537	Nguyễn Hoài	Lam	09/06/2003	QM9A	Nam	26					
26	000152	0901040602	Trịnh Nguyễn Thanh	Lâm	28/07/2003	QM9A	Nam	26					
27	000153	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	Nữ	26					
28	000154	0901030702	Tạ Hương	Ly	07/07/2003	QM9A	Nữ	26					
29	000155	0901030447	Nguyễn Đức	Mạnh	04/01/2003	QM9A	Nam	26					
30	000156	0901030054	Đậu Trà	Mi	17/11/2003	QM9A	Nữ	26					
31	000157	0901030107	Nguyễn Thị Bích	Nga	14/09/2003	QM9A	Nữ	26					
32	000158	0901030538	Bùi Thu	Ngọc	10/09/2003	QM9A	Nữ	26					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 6
Giảng đường: H3.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000159	0901030888	Nguyễn Sinh	Ngọc	05/11/2003	QM9A	Nam	26					
2	000160	0901030259	Ngô Thị Hằng	Nhung	02/05/2003	QM9A	Nữ	26					
3	000161	0901030776	Phạm Phú	Quân	23/10/2003	QM9A	Nam	26					
4	000162	0901070041	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/11/2003	QM9A	Nữ	26					
5	000163	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	Nữ	26					HP
6	000164	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	Nữ	26					
7	000165	0901030901	Nguyễn Duy	Thông	10/02/2000	QM9A	Nam	26					
8	000166	0901030180	Nguyễn Thị Hồng	Thu	11/07/2003	QM9A	Nữ	26					
9	000167	0901030854	Hoàng Thị	Trà	17/10/2003	QM9A	Nữ	26					
10	000168	0901080857	Lương Thị Thu	Trang	17/05/2003	QM9A	Nữ	26					
11	000169	0901030926	Chu Thành	Vinh	02/10/2002	QM9A	Nam	26					
12	000170	0901030096	Bùi Thị Thảo	Vy	17/06/2003	QM9A	Nữ	26					
13	000171	0710311091	Phan Tiến	Dũng	20/04/2001	QT7B	Nam	26					
14	000172	0901030194	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/07/2003	QM9B	Nữ	27					
15	000173	0901030917	Phạm Nhật	Anh	08/09/2003	QM9B	Nữ	27					
16	000174	0901030512	Trịnh Tú	Anh	30/10/2003	QM9B	Nữ	27					
17	000175	0901030589	Bùi Thị Ngọc	Bích	26/09/2003	QM9B	Nữ	27					
18	000176	0901030523	Đặng Xuân	Diệu	22/12/2003	QM9B	Nam	27					
19	000177	0901030710	Lê Thuỳ	Dương	24/07/2003	QM9B	Nữ	27					
20	000178	0901030483	Nguyễn Đức	Duy	27/10/2003	QM9B	Nam	27					
21	000179	0901030786	Hoàng Trung	Hải	27/06/2003	QM9B	Nam	27					
22	000180	0901030675	Phạm Thu	Hiền	04/11/2003	QM9B	Nữ	27					
23	000181	0901030768	Nguyễn Đức	Hiệu	24/05/2003	QM9B	Nam	27					
24	000182	0901030759	Nguyễn Thị	Huế	30/09/2003	QM9B	Nữ	27					
25	000183	0901030660	Nguyễn Lan	Hương	08/01/2003	QM9B	Nữ	27					
26	000184	0901030892	Trần Thị	Hường	10/04/2003	QM9B	Nữ	27					
27	000185	0901030072	Nguyễn Tiến	Khôi	16/12/2003	QM9B	Nam	27					
28	000186	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B	Nam	27					
29	000187	0901030651	Nguyễn Hoàng	Lan	23/12/2003	QM9B	Nữ	27					
30	000188	0901030713	Lê Thị	Linh	19/04/2003	QM9B	Nữ	27					
31	000189	0901030511	Đỗ Thị Quỳnh	Loan	14/10/2003	QM9B	Nữ	27					
32	000190	0901030734	Nguyễn Thị Hương	Ly	03/11/2003	QM9B	Nữ	27					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 7
Giảng đường: H3.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000191	0901030458	Đoàn Thị Xuân	Mai	09/11/2003	QM9B	Nữ	27					
2	000192	0901030108	Phan Văn	Mạnh	27/05/2003	QM9B	Nam	27					
3	000193	0901030677	Nguyễn Thu	Nga	09/06/2003	QM9B	Nữ	27					
4	000194	0901030957	Ưng Thị Quỳnh	Nga	28/09/2003	QM9B	Nữ	27					
5	000195	0901030144	Vũ Thị Minh	Nguyệt	19/11/2003	QM9B	Nữ	27					
6	000196	0901030214	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/2002	QM9B	Nữ	27					
7	000197	0901030296	Vũ Minh	Phúc	23/02/2003	QM9B	Nam	27					
8	000198	0901030433	Lương Thị Diễm	Quỳnh	08/11/2003	QM9B	Nữ	27					
9	000199	0901030387	Nguyễn Văn	Sáng	14/11/2002	QM9B	Nam	27					
10	000200	0901030697	Nguyễn Tiến	Thái	01/04/2002	QM9B	Nam	27					
11	000201	0901030350	Tống Đức	Thành	18/10/2003	QM9B	Nam	27					
12	000202	0901020912	Nguyễn Phương	Thảo	12/01/2003	QM9B	Nữ	27					
13	000203	0901030920	Hoàng Thanh	Trà	14/12/2003	QM9B	Nữ	27					HP,ĐK
14	000204	0901030708	Đặng Thị	Trang	02/08/2003	QM9B	Nữ	27					
15	000205	0901010796	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/10/2003	QM9B	Nữ	27					
16	000206	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	Nữ	27					
17	000207	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B	Nữ	27					
18	000208	0810310867	Đoàn Xuân	Bách	07/06/2002	QT8A	Nam	28					
19	000209	0810310879	Trần Thu	Huệ	25/09/2002	QT8A	Nam	28					
20	000210	0810310390	Phạm Ngọc	Tỉnh	02/09/2002	QT8A	Nam	28					
21	000211	0810310659	Trần Tuấn	Anh	22/05/2002	QT8B	Nam	28					
22	000212	0810310311	Nguyễn Mạnh	Hiến	16/11/2002	QT8B	Nam	28					
23	000213	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	Nam	28					
24	000214	0810310855	Vũ Xuân	Trường	04/11/2002	QT8B	Nam	28					
25	000215	0901020025	Bùi Minh	Anh	27/04/2003	QT9A	Nữ	28					
26	000216	0901030941	Nguyễn Ngọc	Anh	24/09/2003	QT9A	Nữ	28					
27	000217	0901030491	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	03/07/2003	QT9A	Nữ	28					
28	000218	0901030064	Nguyễn Thanh	Bình	10/04/2003	QT9A	Nữ	28					
29	000219	0901030224	Nguyễn Thành	Đạt	26/03/2003	QT9A	Nam	28					
30	000220	0901030185	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/08/2003	QT9A	Nữ	28					
31	000221	0901030254	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	27/11/2002	QT9A	Nữ	28					
32	000222	0901030058	Phạm Thị Hồng	Hạnh	02/07/2003	QT9A	Nữ	28					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 8
Giảng đường: H3.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000223	0901030362	Nguyễn Thị	Hiền	26/06/2003	QT9A	Nữ	28					
2	000224	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	Nam	28					HP
3	000225	0901030715	Đào Quốc	Hiệu	01/10/2003	QT9A	Nam	28					
4	000226	0901030756	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QT9A	Nam	28					
5	000227	0901030477	Nguyễn Duy	Hưng	24/12/2003	QT9A	Nam	28					HP
6	000228	0901030631	Huỳnh Khắc Anh	Khiêm	27/04/2003	QT9A	Nam	28					
7	000229	0901030695	Phạm Trung	Kiên	08/08/2003	QT9A	Nam	28					
8	000230	0901030154	Phạm Quốc	Lập	15/01/2003	QT9A	Nam	28					
9	000231	0901030435	Đỗ Thị Khánh	Linh	15/11/2003	QT9A	Nữ	28					
10	000232	0901030753	Nguyễn Mai Thùy	Linh	17/11/2003	QT9A	Nữ	28					
11	000233	0901030022	Phạm Thị Khánh	Ly	21/01/2003	QT9A	Nữ	28					
12	000234	0901010113	Lưu Bá	Nghĩa	29/10/2003	QT9A	Nam	28					
13	000235	0901030524	Lê Thị Hồng	Ngọc	02/10/2003	QT9A	Nữ	28					
14	000236	0901030752	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2003	QT9A	Nữ	28					
15	000237	0901030656	Bùi Thị Hồng	Nhung	24/08/2003	QT9A	Nam	28					
16	000238	0901030924	Dương Thị	Nhung	03/04/2003	QT9A	Nữ	28					
17	000239	0901020418	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/2003	QT9A	Nữ	28					
18	000240	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	Nữ	28					
19	000241	0901020652	Phạm Thị	Phương	05/07/2003	QT9A	Nữ	28					
20	000242	0901030662	Đặng Anh	Quân	01/10/2003	QT9A	Nam	28					
21	000243	0901030266	Vũ Tuyết	Quỳnh	07/01/2003	QT9A	Nữ	28					
22	000244	0901030466	Trần Ngọc	Thắng	02/10/2003	QT9A	Nam	28					
23	000245	0901030518	Đỗ Vân	Thanh	29/03/2003	QT9A	Nữ	28					
24	000246	0901030829	Dương Minh	Tiến	02/01/2003	QT9A	Nam	28					
25	000247	0901030535	Hoàng Hương	Trang	10/11/2003	QT9A	Nữ	28					
26	000248	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	Nữ	28					
27	000249	0901030279	Nguyễn Hà	Vy	07/12/2003	QT9A	Nữ	28					
28	000250	0901030089	Đặng Thị Quỳnh	Anh	06/10/2003	QT9B	Nữ	29					
29	000251	0901010849	Phùng Thị Phương	Anh	03/09/2003	QT9B	Nữ	29					
30	000252	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	Nữ	29					
31	000253	0901010115	Đào Chí	Cường	21/05/2003	QT9B	Nam	29					
32	000254	0901030088	Đoàn Quang	Đại	07/12/2003	QT9B	Nam	29					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 9
Giảng đường: H4.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000255	0901030325	Nguyễn Hồng	Diệp	23/11/2003	QT9B	Nữ	29					
2	000256	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	Nam	29					
3	000257	0901030270	Đoàn Hữu	Dương	24/04/2003	QT9B	Nam	29					
4	000258	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	Nữ	29					
5	000259	0901030430	Hoàng Đình	Hào	07/05/2003	QT9B	Nam	29					
6	000260	0901030417	Nguyễn Thị	Hiền	28/03/2003	QT9B	Nữ	29					
7	000261	0901030132	Nguyễn Thị	Hoa	09/02/2003	QT9B	Nữ	29					
8	000262	0901030336	Nguyễn Huy	Hoàng	20/10/2003	QT9B	Nam	29					
9	000263	0901030895	Đỗ Thị	Huệ	23/01/2003	QT9B	Nữ	29					
10	000264	0901030530	Phan Trọng	Hùng	01/03/2003	QT9B	Nam	29					
11	000265	0901030586	Nguyễn Duy	Hưng	27/01/2003	QT9B	Nam	29					
12	000266	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B	Nữ	29					
13	000267	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	Nam	29					
14	000268	0901030665	Lê Thị	Huyền	10/01/2003	QT9B	Nữ	29					
15	000269	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	Nam	29					
16	000270	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	Nữ	29					
17	000271	0901030131	Đỗ Thị	Linh	15/09/2003	QT9B	Nữ	29					
18	000272	0901030069	Đỗ Thị Khánh	Linh	17/12/2003	QT9B	Nữ	29					
19	000273	0901030067	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2003	QT9B	Nữ	29					
20	000274	0901030247	Nguyễn Văn	Linh	17/08/2003	QT9B	Nam	29					
21	000275	0901030471	Đỗ Thị	Lương	15/11/2003	QT9B	Nữ	29					
22	000276	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B	Nam	29					
23	000277	0901030681	Trịnh Kim	Ngân	12/09/2003	QT9B	Nam	29					
24	000278	0901030294	Hà Bích	Ngọc	20/08/2003	QT9B	Nữ	29					
25	000279	0901030579	Vũ Hoàng	Ngọc	27/12/2003	QT9B	Nữ	29					
26	000280	0901030916	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/12/2003	QT9B	Nữ	29					
27	000281	0901030369	Đặng Nam	Phương	29/09/2003	QT9B	Nữ	29					
28	000282	0901030722	Trịnh Thị Thu	Phương	10/02/2003	QT9B	Nữ	29					
29	000283	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	Nam	29					
30	000284	0901030028	Trần Minh	Quân	20/08/2003	QT9B	Nam	29					
31	000285	0901030323	Đỗ Đức	Tài	21/04/2003	QT9B	Nam	29					
32	000286	0901030961	Đỗ Ngọc	Thạch	22/04/1999	QT9B	Nam	29					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 10
Giảng đường: H4.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000287	0901030385	Nguyễn Đức	Thành	12/01/2003	QT9B	Nam	29					
2	000288	0901030212	Trương Viết	Thành	13/09/2002	QT9B	Nam	29					
3	000289	0901030275	Bùi Thị Hương	Thơm	10/02/2003	QT9B	Nữ	29					
4	000290	0901030059	Trần Huy	Thuận	27/11/2003	QT9B	Nam	29					
5	000291	0901020159	Dương Thị Thanh	Thủy	17/04/2003	QT9B	Nữ	29					HP,ĐK
6	000292	0901030737	Ngô Phương Kiều	Trang	23/06/2003	QT9B	Nữ	29					
7	000293	0901030085	Ngô Thu	Trang	09/12/2003	QT9B	Nữ	29					
8	000294	0901030479	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/05/2003	QT9B	Nam	29					
9	000295	0901030666	Nguyễn Thu	Trang	26/10/2003	QT9B	Nữ	29					
10	000296	0901070754	Phạm Thị Huyền	Trang	15/04/2003	QT9B	Nam	29					
11	000297	0901030103	Quách Huy	Trường	01/01/2002	QT9B	Nam	29					
12	000298	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	Nam	29					
13	000299	0901030102	Trần Quốc	Việt	11/12/2003	QT9B	Nam	29					
14	000300	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B	Nam	29					
15	000301	0901030711	Trịnh Thị Như	Ý	03/08/2003	QT9B	Nam	29					
16	000302	0901020947	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/02/2003	QT9C	Nữ	30					
17	000303	0901030416	Nguyễn Nguyệt	Ánh	03/08/2000	QT9C	Nữ	30					
18	000304	0901030590	Nguyễn Bá	Đạt	09/07/2003	QT9C	Nam	30					
19	000305	0901030881	Nguyễn Bình	Định	17/10/2003	QT9C	Nữ	30					HP,ĐK
20	000306	0901030013	Lê Ánh	Dương	04/06/2003	QT9C	Nữ	30					
21	000307	0901030200	Mai Thu	Giang	24/12/2003	QT9C	Nữ	30					
22	000308	0901030823	Bùi Thị	Hảo	15/08/2003	QT9C	Nữ	30					
23	000309	0901030635	Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2003	QT9C	Nữ	30					
24	000310	0901030253	Phạm Khánh	Hòa	02/09/2003	QT9C	Nam	30					
25	000311	0901030866	Bùi Minh	Hoàng	26/11/2003	QT9C	Nam	30					
26	000312	0901030843	Đỗ Quốc	Hội	18/04/2003	QT9C	Nam	30					
27	000313	0901030944	Nhữ Mạnh	Hùng	01/08/2003	QT9C	Nam	30					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 11
Giảng đường: H4.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000314	0901030522	Trần Minh	Hùng	26/11/2003	QT9C	Nam	30					HP
2	000315	0901030181	Lê Tuấn	Hưng	17/05/2003	QT9C	Nam	30					
3	000316	0901030280	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/2003	QT9C	Nữ	30					
4	000317	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C	Nam	30					
5	000318	0901030018	Phạm Duy	Kiên	06/02/2003	QT9C	Nam	30					
6	000319	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	Nam	30					
7	000320	0901030138	Đỗ Thị Hải	Linh	21/02/1998	QT9C	Nữ	30					
8	000321	0901070809	Lê Thành	Long	04/08/2003	QT9C	Nam	30					
9	000322	0901010032	Nguyễn Hiền	Lương	13/01/2003	QT9C	Nữ	30					
10	000323	0901030797	Vũ Bình	Minh	19/11/2003	QT9C	Nam	30					
11	000324	0901030464	Hoàng Hồng	Ngọc	07/08/2003	QT9C	Nữ	30					
12	000325	0901030629	Trần Thị Minh	Ngọc	10/08/2003	QT9C	Nữ	30					
13	000326	0901030400	Vũ Văn	Ngọc	03/11/2003	QT9C	Nam	30					HP,ĐK
14	000327	0901030377	Đỗ Thị	Nhàn	08/12/2003	QT9C	Nữ	30					
15	000328	0901030973	Chu Diệu	Như	11/09/2003	QT9C	Nữ	30					
16	000329	0901030887	Ngô Thị Kim	Nhung	01/09/2003	QT9C	Nữ	30					
17	000330	0901030600	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/2003	QT9C	Nữ	30					
18	000331	0901030217	Nguyễn Quế	Sinh	20/12/2003	QT9C	Nam	30					HP
19	000332	0901030092	Đào Văn	Tâm	21/06/2002	QT9C	Nam	30					
20	000333	0901030286	Nguyễn Huy	Thành	04/12/2003	QT9C	Nam	30					
21	000334	0901030795	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2003	QT9C	Nữ	30					
22	000335	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	Nữ	30					
23	000336	0901030295	Phạm Bùi Minh	Thuận	25/02/2003	QT9C	Nam	30					
24	000337	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	Nữ	30					
25	000338	0901030208	Nguyễn Văn	Trang	24/04/2003	QT9C	Nam	30					
26	000339	0901030508	Trần Thanh Thanh	Trúc	22/12/2003	QT9C	Nữ	30					
27	000340	0901030781	Mai	Tùng	29/08/2003	QT9C	Nam	30					
28	000341	0901030009	Lại Đăng	Uyển	09/10/2003	QT9C	Nam	30					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 12
Giảng đường: A4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000342	0901060872	Nguyễn Công Kỳ	Anh	20/09/2003	KA9A	Nam	31					
2	000343	0901020572	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/2003	KA9A	Nữ	31					
3	000344	0901020238	Trần Thị	Báu	03/12/2003	KA9A	Nữ	31					
4	000345	0901060179	Hà Minh	Chi	24/06/2003	KA9A	Nữ	31					
5	000346	0901060664	Phạm Thị	Chinh	05/05/2003	KA9A	Nữ	31					
6	000347	0901020441	Lê Thị	Chúc	24/09/2003	KA9A	Nữ	31					
7	000348	0901020060	Nguyễn Huyền	Diệu	23/11/2003	KA9A	Nữ	31					
8	000349	0901010481	Trần Trung	Đức	16/01/2003	KA9A	Nam	31					
9	000350	0901060557	Hoàng Hương	Giang	22/03/2003	KA9A	Nữ	31					
10	000351	0901060520	Bùi Bảo	Hân	12/10/2003	KA9A	Nữ	31					
11	000352	0901020020	Nguyễn Huy	Hoàng	01/01/2003	KA9A	Nam	31					
12	000353	0901060667	Nguyễn Văn	Hưng	14/10/2003	KA9A	Nam	31					HP,ĐK
13	000354	0901060943	Nguyễn Thu	Hương	22/01/2003	KA9A	Nữ	31					
14	000355	0901060221	Dương Thị Ngọc	Huyền	31/08/2003	KA9A	Nữ	31					
15	000356	0901060348	Nguyễn Ngọc	Lam	22/09/2003	KA9A	Nữ	31					
16	000357	0901030100	Giang Thị Hồng	Mai	02/06/2003	KA9A	Nữ	31					
17	000358	0901060837	Nguyễn Thị	Mai	23/02/2003	KA9A	Nữ	31					
18	000359	0901020925	Nguyễn Trà	My	12/07/2003	KA9A	Nữ	31					
19	000360	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	Nữ	31					
20	000361	0901060601	Phí Việt	Nhật	14/10/2003	KA9A	Nam	31					HP
21	000362	0901060451	Phạm Thị Út	Nhi	02/08/2003	KA9A	Nữ	31					
22	000363	0901060723	Nguyễn Trí	Phong	05/12/2003	KA9A	Nam	31					HP,ĐK
23	000364	0901060525	Đỗ Phương	Thảo	13/11/2003	KA9A	Nữ	31					
24	000365	0901060401	Đoàn Thị Thu	Thảo	10/03/2003	KA9A	Nữ	31					
25	000366	0901030063	Bùi Thị	Trang	26/02/2003	KA9A	Nữ	31					
26	000367	0901060218	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	26/06/2003	KA9A	Nữ	31					
27	000368	0901060575	Phạm Thu	Trang	18/09/2003	KA9A	Nam	31					
28	000369	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	Nam	31					HP
29	000370	0901060742	Phùng Quang	Trường	02/11/2003	KA9A	Nam	31					
30	000371	0901020273	Nguyễn Tố	Uyên	24/09/2003	KA9A	Nữ	31					
31	000372	0901060965	Đào Đức	Việt	21/12/2002	KA9A	Nam	31					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 13
Giảng đường: A5_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000373	0901030118	Nguyễn Hồng	Yến	21/11/2003	KA9A	Nữ	31					
2	000374	0901020276	Đỗ Quỳnh	Anh	24/06/2003	KD9B	Nữ	32					
3	000375	0901020456	Đỗ Thị Phương	Anh	21/07/2003	KD9B	Nữ	32					
4	000376	0901020566	Đỗ Thị Vân	Anh	24/12/2003	KD9B	Nữ	32					
5	000377	0901020001	Hoàng Thị Lan	Anh	27/04/2003	KD9B	Nữ	32					
6	000378	0901020587	Lê Hải	Anh	06/06/2003	KD9B	Nữ	32					
7	000379	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD9B	Nữ	32					HP
8	000380	0901080967	Phan Phương	Anh	19/11/2003	KD9B	Nữ	32					
9	000381	0901020610	Trương Thị Vân	Anh	11/04/2003	KD9B	Nữ	32					
10	000382	0901030206	Vũ Minh	Anh	06/11/2003	KD9B	Nữ	32					
11	000383	0901020468	Ngô Đình	Dương	14/05/2003	KD9B	Nam	32					
12	000384	0810811035	Đỗ Thu	Giang	09/10/2002	KD9B	Nam	32					
13	000385	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	Nữ	32					
14	000386	0901020391	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/2003	KD9B	Nữ	32					
15	000387	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	Nữ	32					
16	000388	0901020563	Vũ Thị Bích	Hảo	01/01/2003	KD9B	Nữ	32					
17	000389	0901020564	Vũ Thị Minh	Hiền	01/01/2003	KD9B	Nữ	32					
18	000390	0901020510	Nguyễn Quỳnh	Hoa	16/12/2003	KD9B	Nữ	32					
19	000391	0901020501	Nguyễn Thu	Huệ	08/11/2003	KD9B	Nữ	32					
20	000392	0901020053	Vũ Thị	Huyền	28/01/1998	KD9B	Nữ	32					
21	000393	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B	Nữ	32					
22	000394	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	Nữ	32					
23	000395	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	Nữ	32					
24	000396	0901020741	Nguyễn Thị	Mai	12/07/2003	KD9B	Nữ	32					
25	000397	0901020024	Vũ Nhật	Minh	13/07/2003	KD9B	Nam	32					
26	000398	0901020215	Đỗ Trà	My	01/06/2003	KD9B	Nữ	32					
27	000399	0901020608	Vũ Thị Kim	Ngân	08/05/2003	KD9B	Nữ	32					
28	000400	0901020317	Lê Thị	Ngọc	28/08/2003	KD9B	Nữ	32					
29	000401	0901010236	Đinh Thị Thùy	Nhung	22/01/2003	KD9B	Nữ	32					
30	000402	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phương	20/12/2003	KD9B	Nữ	32					
31	000403	0901020798	Nguyễn Quang	Quý	26/01/2003	KD9B	Nam	32					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 14
Giảng đường: A6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000404	0901020019	Nguyễn Văn	Thành	20/08/2002	KD9B	Nam	32					
2	000405	0901020688	Đỗ Phương	Thảo	08/10/2003	KD9B	Nữ	32					
3	000406	0901030814	Nguyễn Thu	Thảo	11/02/2003	KD9B	Nữ	32					
4	000407	0901020052	Phạm Lê Thanh	Thảo	21/08/2003	KD9B	Nữ	32					
5	000408	0901010804	Ngô Thị	Thủy	25/02/2003	KD9B	Nữ	32					
6	000409	0901020606	Lưu Thị Kiều	Trang	21/11/2003	KD9B	Nữ	32					
7	000410	0901020250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/08/2003	KD9B	Nữ	32					
8	000411	0901020480	Thạch Thị Kiều	Trang	18/09/2003	KD9B	Nữ	32					
9	000412	0901020769	Trần Thị Lan	Trinh	04/08/2003	KD9B	Nữ	32					
10	000413	0901020607	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	KD9B	Nữ	32					
11	000414	0901020081	Ngô Thị	Vân	20/10/2003	KD9B	Nữ	32					
12	000415	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	Nữ	32					
13	000416	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	KD9C	Nữ	33					
14	000417	0901020229	Nguyễn Phương	Anh	02/09/2003	KD9C	Nữ	33					
15	000418	0901020231	Nguyễn Phương	Anh	29/12/2003	KD9C	Nữ	33					
16	000419	0901020429	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/03/2003	KD9C	Nữ	33					
17	000420	0901020855	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2003	KD9C	Nữ	33					
18	000421	0901020251	Chu Thị Ngọc	Ánh	23/08/2003	KD9C	Nữ	33					
19	000422	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	Nữ	33					
20	000423	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	Nam	33					
21	000424	0901020548	Nguyễn Tiến	Dũng	01/10/2003	KD9C	Nam	33					
22	000425	0901020623	Nguyễn Thùy	Dương	01/04/2003	KD9C	Nữ	33					
23	000426	0901020045	Nguyễn Thị Hà	Giang	10/03/2003	KD9C	Nữ	33					
24	000427	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	Nữ	33					
25	000428	0901020035	Vũ Thúy	Hiền	23/10/2003	KD9C	Nữ	33					
26	000429	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	Nữ	33					
27	000430	0901020638	Khuất Duy	Hưng	13/12/2003	KD9C	Nam	33					
28	000431	0901020357	Phan Thị Quỳnh	Hương	21/11/2003	KD9C	Nữ	33					
29	000432	0901020172	Vũ Thanh	Hương	09/07/1997	KD9C	Nữ	33					HP,ĐK
30	000433	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	Nam	33					
31	000434	0901020811	Nguyễn Thị	Lành	20/02/2003	KD9C	Nữ	33					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 15
Giảng đường: A7_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000435	0901010097	Ngô Diệu	Linh	06/12/2003	KD9C	Nữ	33					HP
2	000436	0901020726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2003	KD9C	Nữ	33					
3	000437	0901020516	Phạm Thị Hiền	Lương	25/08/2003	KD9C	Nữ	33					
4	000438	0901020368	Nguyễn Thị Hồng	Mai	11/08/2003	KD9C	Nữ	33					
5	000439	0901020448	Nguyễn Thị	Mùi	28/12/2003	KD9C	Nữ	33					
6	000440	0901020625	Hà Kim	Ngân	08/04/2003	KD9C	Nữ	33					
7	000441	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD9C	Nam	33					
8	000442	0901020201	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	KD9C	Nữ	33					
9	000443	0901020319	Phạm Hồng	Nhung	09/01/2003	KD9C	Nữ	33					
10	000444	0901020655	Hà Thu	Phương	17/12/2003	KD9C	Nữ	33					
11	000445	0901020576	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/05/2003	KD9C	Nữ	33					
12	000446	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD9C	Nam	33					HP,ĐK
13	000447	0901020758	Nguyễn Thị	Quý	28/07/2003	KD9C	Nữ	33					
14	000448	0901020298	Nguyễn Bùi Trúc	Quỳnh	03/12/2003	KD9C	Nữ	33					
15	000449	0901020476	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/10/2003	KD9C	Nữ	33					
16	000450	0901020187	Phạm Phương	Thảo	26/12/2003	KD9C	Nữ	33					
17	000451	0901020779	Lê Thị Huyền	Trang	21/03/2003	KD9C	Nữ	33					
18	000452	0901020311	Lê Thị Quỳnh	Trang	05/06/2003	KD9C	Nữ	33					
19	000453	0901020559	Trần Quỳnh	Trang	23/01/2003	KD9C	Nữ	33					
20	000454	0901020086	Trần Thị Huyền	Trang	17/11/2003	KD9C	Nữ	33					
21	000455	0901020381	Lê Thanh	Trúc	17/06/2003	KD9C	Nữ	33					
22	000456	0901020168	Trần Khánh	Vân	02/12/2003	KD9C	Nữ	33					
23	000457	0901020847	Nguyễn Thị	Xuyến	06/08/2003	KD9C	Nữ	33					
24	000458	0901030044	Phạm Thị	Yến	04/11/2003	KD9C	Nữ	33					
25	000459	0901020359	Lỗ Thị Mai	Anh	02/11/2003	KD9D	Nữ	34					
26	000460	0901020906	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/07/2003	KD9D	Nữ	34					
27	000461	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	Nữ	34					
28	000462	0901020720	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/12/2003	KD9D	Nữ	34					
29	000463	0901070716	Nguyễn Vũ Hà	Anh	23/10/2003	KD9D	Nữ	34					
30	000464	0901020027	Phạm Hà Lan	Anh	25/12/2003	KD9D	Nữ	34					
31	000465	0901020263	Phạm Lan	Anh	01/11/2003	KD9D	Nữ	34					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 16
Giảng đường: A8_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000466	0901020449	Đỗ Thị	Ánh	11/02/2003	KD9D	Nữ	34					
2	000467	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD9D	Nữ	34					
3	000468	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	Nam	34					
4	000469	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	Nam	34					
5	000470	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	Nam	34					
6	000471	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	Nữ	34					
7	000472	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	Nữ	34					
8	000473	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	Nữ	34					
9	000474	0901030207	Ngô Minh	Hiển	30/05/2003	KD9D	Nam	34					
10	000475	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	Nam	34					
11	000476	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	Nữ	34					
12	000477	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	Nữ	34					
13	000478	0901020344	Nguyễn Quang	Hưng	28/09/2003	KD9D	Nam	34					HP
14	000479	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	Nữ	34					
15	000480	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	Nữ	34					
16	000481	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	Nữ	34					
17	000482	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	Nữ	34					
18	000483	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	Nữ	34					
19	000484	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	Nữ	34					
20	000485	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	Nữ	34					
21	000486	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	Nữ	34					
22	000487	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	Nữ	34					
23	000488	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	Nữ	34					
24	000489	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/02/2003	KD9D	Nữ	34					
25	000490	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	Nữ	34					
26	000491	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	Nữ	34					
27	000492	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	Nữ	34					
28	000493	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	Nữ	34					
29	000494	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	Nữ	34					
30	000495	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	Nữ	34					
31	000496	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	Nữ	34					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 17
Giảng đường: A11_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000497	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	Nữ	34					
2	000498	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	Nữ	34					
3	000499	0901020521	Lê Thị Thuỳ	Trang	15/02/2003	KD9D	Nữ	34					
4	000500	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	Nữ	34					
5	000501	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	Nam	34					
6	000502	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	Nữ	34					HP
7	000503	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	Nữ	34					
8	000504	0901020663	Đỗ Thị Thúy	An	22/05/2003	KD9E	Nữ	35					
9	000505	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	Nam	35					
10	000506	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	Nữ	35					
11	000507	0901020324	Phạm Ngọc	Anh	18/09/2003	KD9E	Nữ	35					
12	000508	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD9E	Nữ	35					
13	000509	0901020403	Phạm Thị Ngọc	Ánh	16/08/2003	KD9E	Nữ	35					HP
14	000510	0901020761	Võ Thị Quỳnh	Chi	29/12/2003	KD9E	Nữ	35					
15	000511	0901020728	Hà Hồng	Duyên	13/06/2003	KD9E	Nữ	35					
16	000512	0901020721	Đặng Thúy	Hà	24/04/2003	KD9E	Nam	35					
17	000513	0901020627	Hoàng Hải	Hà	28/11/2003	KD9E	Nữ	35					
18	000514	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	Nữ	35					HP
19	000515	0901020739	Nguyễn Thị Vân	Hằng	03/01/2003	KD9E	Nữ	35					
20	000516	0901020503	Đỗ Thị	Hoa	07/03/2003	KD9E	Nữ	35					HP,ĐK
21	000517	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	Nữ	35					
22	000518	0901020488	Nguyễn Thanh	Hoài	13/06/2003	KD9E	Nữ	35					
23	000519	0901020968	Trần Mạnh	Hùng	13/09/2003	KD9E	Nam	35					
24	000520	0901020487	Phùng	Hưng	06/12/2003	KD9E	Nam	35					
25	000521	0901020241	Trần Thị Việt	Hường	08/10/2003	KD9E	Nữ	35					
26	000522	0901020886	Lê Ngọc	Huyền	22/08/2003	KD9E	Nữ	35					
27	000523	0901020821	Nguyễn Thị Mai	Liên	11/10/2003	KD9E	Nữ	35					
28	000524	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	Nữ	35					HP
29	000525	0901060455	Vũ Thị Kim	Loan	31/03/2003	KD9E	Nữ	35					
30	000526	0901020392	Nguyễn Thị	Ly	09/12/2003	KD9E	Nữ	35					HP
31	000527	0901020690	Phạm Thị	Mai	24/05/2003	KD9E	Nữ	35					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 18
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000528	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	Nữ	35					HP
2	000529	0901030624	Quách Thị	My	06/06/2003	KD9E	Nữ	35					
3	000530	0901020670	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/2003	KD9E	Nam	35					
4	000531	0901020106	Trần Hải	Ngọc	10/08/2002	KD9E	Nữ	35					
5	000532	0901020853	Lục Ái	Như	10/06/2003	KD9E	Nữ	35					
6	000533	0901030178	Trần Hồng	Nhung	17/12/2003	KD9E	Nữ	35					
7	000534	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	Nam	35					
8	000535	0901020499	Nguyễn Minh	Phương	12/08/2003	KD9E	Nữ	35					
9	000536	0901020290	Nguyễn Thị Thúy	Phương	27/12/2003	KD9E	Nữ	35					
10	000537	0901020316	Nguyễn Minh	Quân	23/09/2003	KD9E	Nam	35					
11	000538	0901020834	Chu Trần Hương	Quỳnh	18/09/2003	KD9E	Nữ	35					
12	000539	0901020379	Đào Phương	Thảo	17/11/2003	KD9E	Nữ	35					
13	000540	0901020191	Lê Phương	Thảo	18/05/2003	KD9E	Nữ	35					
14	000541	0901020437	Tô Phương	Thảo	14/04/2003	KD9E	Nữ	35					
15	000542	0901020084	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/02/2003	KD9E	Nữ	35					
16	000543	0901030252	Nguyễn Thị Thanh Than	Thư	11/05/2003	KD9E	Nữ	35					
17	000544	0901020529	Nguyễn Phương	Thúy	18/03/2003	KD9E	Nữ	35					
18	000545	0901020574	Đào Thu	Trang	13/10/2003	KD9E	Nữ	35					
19	000546	0901020746	Lê Thị Huyền	Trang	15/09/2003	KD9E	Nữ	35					HP
20	000547	0901020271	Lê Thùy	Trang	16/05/2003	KD9E	Nữ	35					
21	000548	0901020929	Nguyễn Thị	Trang	04/06/2003	KD9E	Nữ	35					
22	000549	0901020747	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/03/2003	KD9E	Nữ	35					HP
23	000550	0901020482	Trần Thị Thùy	Trang	28/02/2003	KD9E	Nữ	35					
24	000551	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	Nam	35					
25	000552	0901040292	Đinh Văn	Tú	23/03/2003	KD9E	Nam	35					
26	000553	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	Nữ	36					
27	000554	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	KD9G	Nữ	36					
28	000555	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	Nữ	36					
29	000556	0901020636	Phạm Phương	Anh	07/09/2003	KD9G	Nữ	36					
30	000557	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	Nam	36					
31	000558	0901020687	Nguyễn Phương	Chinh	14/10/2003	KD9G	Nữ	36					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 19
Giảng đường: A13_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000559	0901020393	Vũ Đỗ Hồng	Điệp	29/11/2003	KD9G	Nữ	36					
2	000560	0901020308	Hoàng Bích	Duyên	21/05/2003	KD9G	Nữ	36					
3	000561	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	KD9G	Nữ	36					
4	000562	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	Nữ	36					
5	000563	0901020038	Lưu Thị Thu	Hạnh	13/03/2003	KD9G	Nữ	36					
6	000564	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD9G	Nam	36					
7	000565	0901020588	Phạm Thị Thu	Hoài	12/06/2003	KD9G	Nữ	36					
8	000566	0901020300	Giáp Thị Thu	Hương	14/04/2000	KD9G	Nữ	36					
9	000567	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	Nữ	36					
10	000568	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	Nam	36					
11	000569	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	Nam	36					
12	000570	0901020860	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/01/2003	KD9G	Nữ	36					
13	000571	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	Nữ	36					
14	000572	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	Nữ	36					
15	000573	0901020598	Nguyễn Hải	Ly	25/11/2003	KD9G	Nữ	36					
16	000574	0901030057	Lưu Quang	Minh	29/07/2003	KD9G	Nam	36					
17	000575	0901020778	Lý Thị	My	22/02/2003	KD9G	Nữ	36					
18	000576	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	Nữ	36					HP,ĐK
19	000577	0901030813	Bùi Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	KD9G	Nữ	36					
20	000578	0901020597	Nguyễn Hải	Phương	11/09/2003	KD9G	Nữ	36					
21	000579	0901020824	Nguyễn Thu	Phương	26/08/2003	KD9G	Nữ	36					
22	000580	0901020869	Dương Tuyết	Quỳnh	24/04/2003	KD9G	Nữ	36					
23	000581	0901020071	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	04/10/2003	KD9G	Nữ	36					
24	000582	0901010616	Trần Thị Như	Quỳnh	10/09/2003	KD9G	Nữ	36					
25	000583	0901020421	Đào Mạnh	Sơn	02/11/2003	KD9G	Nam	36					
26	000584	0901020649	Lương Thị Phương	Thảo	06/04/2003	KD9G	Nữ	36					
27	000585	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	KD9G	Nữ	36					
28	000586	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	Nam	36					
29	000587	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	Nữ	36					
30	000588	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	Nữ	36					ĐK
31	000589	0901020963	Đinh Thanh	Tú	29/05/2003	KD9G	Nữ	36					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 20
Giảng đường: A14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000590	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	Nam	36					
2	000591	0901020617	Lê Phan Phương	Uyên	01/09/2003	KD9G	Nữ	36					
3	000592	0901020749	Trần Thảo	Vân	01/08/2003	KD9G	Nữ	36					
4	000593	0901020087	Đỗ Phương	Anh	02/01/2003	KD9H	Nữ	37					
5	000594	0901020167	Nguyễn Lan	Anh	08/11/2003	KD9H	Nữ	37					
6	000595	0901040693	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/06/2003	KD9H	Nữ	37					
7	000596	0901010029	Vũ Thị Kim	Cúc	18/12/2003	KD9H	Nữ	37					
8	000597	0901020541	Nguyễn Ngọc	Diễm	24/10/2003	KD9H	Nữ	37					
9	000598	0901020800	Nguyễn Thi Thu	Duyên	24/01/2003	KD9H	Nữ	37					
10	000599	0901020626	Lê Thị	Hà	29/11/2003	KD9H	Nữ	37					
11	000600	0901020940	Phạm Minh	Hằng	13/03/2003	KD9H	Nữ	37					
12	000601	0901020342	Phạm Thu	Hằng	03/11/2003	KD9H	Nữ	37					
13	000602	0901020637	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/07/2003	KD9H	Nữ	37					
14	000603	0901020939	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	11/10/2003	KD9H	Nữ	37					
15	000604	0901020145	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	16/12/2003	KD9H	Nữ	37					
16	000605	0901020026	Phạm Thị Mai	Hoa	25/09/2003	KD9H	Nữ	37					
17	000606	0901020453	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	25/10/2003	KD9H	Nữ	37					
18	000607	0901020532	Ngô Mai	Hương	10/11/2003	KD9H	Nữ	37					
19	000608	0901020542	Lê Thị Khánh	Huyền	22/11/2003	KD9H	Nữ	37					
20	000609	0901020199	Đỗ Xuân	Huỳnh	20/10/2003	KD9H	Nam	37					
21	000610	0901020633	Đỗ Lê	Khánh	23/12/2003	KD9H	Nữ	37					
22	000611	0901020891	Nguyễn Ngọc	Lan	20/11/2003	KD9H	Nữ	37					
23	000612	0901020258	Chu Thị Thùy	Linh	06/02/2003	KD9H	Nữ	37					
24	000613	0901020095	Huỳnh Diệu	Linh	07/11/2003	KD9H	Nữ	37					
25	000614	0901020313	Phạm Hải	Lý	26/02/2002	KD9H	Nữ	37					
26	000615	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	Nữ	37					
27	000616	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	Nam	37					
28	000617	0901020321	Phạm Thị Kim	Ngân	02/10/2003	KD9H	Nữ	37					
29	000618	0901020472	Hà Kiều	Nhi	05/09/2003	KD9H	Nữ	37					
30	000619	0901030581	Phạm Hồng	Phương	03/12/2003	KD9H	Nữ	37					
31	000620	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	Nữ	37					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 21
Giảng đường: A20_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000621	0901020397	Phạm Thị	Phượng	21/02/2003	KD9H	Nữ	37					
2	000622	0901020469	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2003	KD9H	Nữ	37					
3	000623	0901020793	Phan Thị	Thắm	16/07/2003	KD9H	Nữ	37					
4	000624	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	Nữ	37					
5	000625	0901020353	Đỗ Thị	Thảo	23/02/2003	KD9H	Nữ	37					
6	000626	0901020157	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	22/08/2003	KD9H	Nữ	37					
7	000627	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	KD9H	Nữ	37					
8	000628	0901020320	Phạm Thanh	Thư	09/05/2003	KD9H	Nữ	37					HP,ĐK
9	000629	0901020155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/2003	KD9H	Nữ	37					
10	000630	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	Nữ	37					
11	000631	0901020773	Trần Anh	Tuấn	08/10/2003	KD9H	Nam	37					
12	000632	0901020234	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/2003	KD9H	Nữ	37					HP,ĐK
13	000633	0901060463	Phạm Thị	Uyên	04/04/2003	KD9H	Nữ	37					
14	000634	0901030549	Đỗ Thị	Vui	26/02/2003	KD9H	Nữ	37					
15	000635	0810211791	Vũ Thị Thúy	Hường	15/03/2002	KD8B	Nữ	38					
16	000636	0810210121	Phạm Thị Yến	Nhi	28/11/1998	KD8B	Nam	38					
17	000637	0810210120	Phạm Thị Phương	Nhi	01/04/2002	KD8E	Nam	38					
18	000638	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	Nam	38					
19	000639	0901020426	Quản Thị Vân	Anh	26/11/2003	KD9K	Nữ	38					
20	000640	0901020801	Phạm Thị	Châm	11/03/2003	KD9K	Nữ	38					
21	000641	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	Nữ	38					
22	000642	0901020333	Hà Thúy	Diệp	06/05/2003	KD9K	Nữ	38					
23	000643	0901020445	Lê Thùy	Dung	13/04/2003	KD9K	Nữ	38					
24	000644	0901010994	Đỗ Hữu	Dũng	15/07/2001	KD9K	Nam	38					HP
25	000645	0901020774	Hoàng Thị Thùy	Dương	09/10/2003	KD9K	Nữ	38					
26	000646	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	Nữ	38					
27	000647	0901020346	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/12/2003	KD9K	Nữ	38					
28	000648	0901020845	Nguyễn Thu	Giang	25/02/2003	KD9K	Nữ	38					
29	000649	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	Nam	38					
30	000650	0901020642	Đinh Thị	Hậu	04/10/2003	KD9K	Nữ	38					
31	000651	0901020232	Trịnh Minh	Hiếu	15/12/2003	KD9K	Nam	38					
32	000652	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	Nam	38					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 22
Giảng đường: B6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000653	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	KD9K	Nữ	38					
2	000654	0901020751	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/02/2003	KD9K	Nữ	38					
3	000655	0901020407	Lê Kim	Khánh	04/10/2003	KD9K	Nữ	38					
4	000656	0901020242	Bùi Thị	Linh	01/12/2003	KD9K	Nữ	38					
5	000657	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K	Nữ	38					
6	000658	0901020260	Đỗ Thùy	Linh	27/07/2003	KD9K	Nữ	38					
7	000659	0901020613	Nguyễn Thanh	Loan	31/12/2003	KD9K	Nữ	38					
8	000660	0901020980	Hoàng Văn	Minh	04/09/2002	KD9K	Nam	38					
9	000661	0901020622	Nguyễn Thị Phương	Minh	04/11/2003	KD9K	Nữ	38					
10	000662	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	KD9K	Nữ	38					
11	000663	0901020615	Vương Hồng Thủy	Ngân	12/04/2003	KD9K	Nữ	38					
12	000664	0901010210	Lê Nguyễn Phương	Nhi	17/12/2003	KD9K	Nữ	38					
13	000665	0901020109	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/07/2003	KD9K	Nữ	38					
14	000666	0901020438	Lê Tấn	Phát	01/01/2003	KD9K	Nam	38					
15	000667	0901020791	Nguyễn Phương	Quỳnh	29/07/2003	KD9K	Nữ	38					
16	000668	0901020066	Đặng Hồng	Thắm	04/03/2003	KD9K	Nữ	38					
17	000669	0901020505	Nguyễn Phương	Thảo	18/04/2003	KD9K	Nữ	38					
18	000670	0901020126	Trần Thị Minh	Thư	05/01/2003	KD9K	Nữ	38					
19	000671	0901020921	Cáp Thị Thanh	Tiệp	12/02/2003	KD9K	Nữ	38					
20	000672	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	Nữ	38					
21	000673	0901020382	Đỗ Thu	Trang	04/03/2003	KD9K	Nữ	38					
22	000674	0901020714	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/05/2003	KD9K	Nữ	38					
23	000675	0901010042	Vũ Huyền	Trang	14/12/2003	KD9K	Nữ	38					
24	000676	0901020112	Lê Việt	Trinh	28/08/2001	KD9K	Nữ	38					
25	000677	0901020898	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	30/12/2003	KD9K	Nam	38					
26	000678	0901020680	Trần Duy	Tùng	12/07/2003	KD9K	Nam	38					
27	000679	0901020496	Nguyễn Thị	Xuân	23/04/2003	KD9K	Nữ	38					
28	000680	0901020297	Hà Phương	Anh	21/02/2003	KD9M	Nữ	39					
29	000681	0901020288	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2003	KD9M	Nữ	39					
30	000682	0901020844	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/10/2003	KD9M	Nữ	39					
31	000683	0901020049	Trần Mỹ	Anh	27/04/2003	KD9M	Nữ	39					ĐK
32	000684	0901020474	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07/07/2003	KD9M	Nữ	39					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 23
Giảng đường: B10_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000685	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	Nữ	39					
2	000686	0901030326	Phạm Thị	Doanh	07/07/2003	KD9M	Nữ	39					
3	000687	0901020075	Lê Thị Thùy	Dương	18/06/2003	KD9M	Nữ	39					
4	000688	0901020310	Chu Thị	Hài	15/11/2003	KD9M	Nữ	39					
5	000689	0901020543	Đào Thu	Hiền	27/01/2003	KD9M	Nữ	39					
6	000690	0901020930	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/12/2003	KD9M	Nữ	39					
7	000691	0901010685	Bùi Tuyết	Hoa	31/07/2003	KD9M	Nữ	39					
8	000692	0901020890	Lê Thị Hồng	Hoa	24/05/2003	KD9M	Nữ	39					
9	000693	0901020443	Trần Thanh	Hoàng	21/02/2003	KD9M	Nam	39					
10	000694	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	Nữ	39					
11	000695	0901020484	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/09/2003	KD9M	Nữ	39					
12	000696	0901020654	Nguyễn Thu	Huyền	06/02/2003	KD9M	Nữ	39					
13	000697	0901020272	Trần Hoàng	Khánh	03/10/2003	KD9M	Nam	39					
14	000698	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	Nữ	39					ĐK
15	000699	0901020861	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2003	KD9M	Nữ	39					
16	000700	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	Nam	39					
17	000701	0901030080	Đoàn Thị Ngọc	Mai	15/12/2003	KD9M	Nữ	39					
18	000702	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	Nam	39					
19	000703	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	Nam	39					
20	000704	0901020842	Ngô Thị Phương	Nga	31/03/2003	KD9M	Nữ	39					
21	000705	0901020114	Trần Thị Kim	Nghĩa	11/04/2003	KD9M	Nữ	39					
22	000706	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	KD9M	Nữ	39					
23	000707	0901060567	Lê Hồng	Phong	13/07/2003	KD9M	Nam	39					
24	000708	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	Nữ	39					
25	000709	0901020467	Hoàng Thị Tâm	Thanh	20/12/2003	KD9M	Nữ	39					
26	000710	0901020828	Đoàn Hương	Thảo	01/06/2003	KD9M	Nữ	39					
27	000711	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	Nữ	39					
28	000712	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	KD9M	Nữ	39					
29	000713	0901020136	Ngô Xuân	Thức	07/03/2003	KD9M	Nam	39					
30	000714	0901020893	Đoàn Lãnh	Thúy	26/08/2003	KD9M	Nữ	39					
31	000715	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	KD9M	Nữ	39					
32	000716	0901030684	Đỗ Thu	Trang	25/03/2003	KD9M	Nữ	39					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 24
Giảng đường: B14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000717	0901020329	Nguyễn Thùy	Trang	28/05/2003	KD9M	Nữ	39					
2	000718	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	Nữ	39					
3	000719	0901020383	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12/02/2003	KD9M	Nữ	39					
4	000720	0901020743	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/03/2003	KD9M	Nữ	39					
5	000721	0901020268	Đặng Thanh	Vân	16/12/2003	KD9M	Nữ	39					
6	000722	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	Nam	39					
7	000723	0901020318	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/09/2003	KD9M	Nữ	39					
8	000724	0901020936	Phạm Lê Nhật	An	30/10/2003	KD9N	Nữ	40					
9	000725	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	Nam	40					
10	000726	0901030135	Lã Hải	Anh	24/09/2003	KD9N	Nữ	40					HP,ĐK
11	000727	0901020034	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/07/2003	KD9N	Nữ	40					
12	000728	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	Nữ	40					
13	000729	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	Nữ	40					
14	000730	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	Nữ	40					HP,ĐK
15	000731	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	Nữ	40					
16	000732	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	Nữ	40					
17	000733	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	Nam	40					HP
18	000734	0901020446	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/2003	KD9N	Nữ	40					
19	000735	0901020335	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	04/11/2003	KD9N	Nữ	40					
20	000736	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hảo	26/09/2003	KD9N	Nữ	40					
21	000737	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	Nữ	40					
22	000738	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	Nam	40					HP,ĐK
23	000739	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	Nữ	40					
24	000740	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	Nữ	40					
25	000741	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	Nữ	40					
26	000742	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	Nữ	40					
27	000743	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N	Nữ	40					HP,ĐK
28	000744	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	Nữ	40					
29	000745	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	Nữ	40					
30	000746	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	Nữ	40					
31	000747	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	Nữ	40					
32	000748	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	Nữ	40					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 25
Giảng đường: B15_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000749	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	Nữ	40					
2	000750	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	Nam	40					
3	000751	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	Nữ	40					
4	000752	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	Nữ	40					
5	000753	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	Nam	40					
6	000754	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	Nữ	40					
7	000755	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	Nữ	40					
8	000756	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	Nữ	40					
9	000757	0901020979	Chu Phương	Thảo	20/06/2003	KD9N	Nữ	40					HP,ĐK
10	000758	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	Nữ	40					
11	000759	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	Nữ	40					
12	000760	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	Nữ	40					
13	000761	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	Nữ	40					
14	000762	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	Nữ	40					
15	000763	0901020315	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/10/2002	KD9N	Nữ	40					
16	000764	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	Nữ	40					
17	000765	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	Nữ	40					
18	000766	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N	Nam	40					HP,ĐK
19	000767	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	Nữ	40					
20	000768	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	Nữ	40					
21	000769	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	Nữ	40					
22	000770	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	Nữ	40					
23	000771	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	Nữ	40					
24	000772	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	KL9A	Nữ	41					
25	000773	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	KL9A	Nữ	41					
26	000774	0901070462	Lê Hoàng	Linh	18/12/2003	KL9A	Nam	41					
27	000775	0901070938	Trần Thế	Sơn	21/01/2003	KL9A	Nam	41					
28	000776	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	Nam	41					
29	000777	0901010794	Phạm Duy	Bách	09/12/2003	QL9A	Nam	41					
30	000778	0901020094	Đỗ Văn	Bình	19/10/2003	QL9A	Nam	41					
31	000779	0901040766	Hoàng Minh	Châu	15/12/2003	QL9A	Nữ	41					
32	000780	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	Nữ	41					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 26
Giảng đường: B16_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000781	0901070240	Nguyễn Vũ	Đức	15/12/2003	QL9A	Nam	41					
2	000782	0901070609	Trần	Hoàn	09/07/2003	QL9A	Nam	41					
3	000783	0901070735	Trần Ngọc	Linh	14/07/2003	QL9A	Nữ	41					
4	000784	0901070552	Vũ Thùy	Linh	16/09/2003	QL9A	Nữ	41					
5	000785	0901080877	Phạm Thị Tố	Nga	02/10/2003	QL9A	Nữ	41					
6	000786	0901020954	Lương Đức	Thao	20/11/2003	QL9A	Nam	41					
7	000787	0901070772	Đào Việt	Tuấn	10/05/2003	QL9A	Nam	41					ĐK
8	000788	0901070788	Trương Thị	Uyên	01/05/2003	QL9A	Nữ	41					
9	000789	0901080639	Bùi Lan	Anh	15/07/2003	TM9A	Nữ	42					
10	000790	0901080648	Mai Yến	Anh	11/06/2003	TM9A	Nữ	42					
11	000791	0901020812	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/09/2003	TM9A	Nữ	42					
12	000792	0901080709	Phạm Thị Vân	Anh	25/05/2003	TM9A	Nữ	42					
13	000793	0901080876	Phùng Nguyễn Tú	Anh	27/09/2003	TM9A	Nữ	42					
14	000794	0901080534	Công Phương Uyển	Chi	22/06/2003	TM9A	Nữ	42					
15	000795	0901080356	Đỗ Thị	Chinh	08/02/2003	TM9A	Nữ	42					
16	000796	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	Nam	42					
17	000797	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	Nam	42					
18	000798	0901080444	Ngô Thị	Dương	22/09/2003	TM9A	Nữ	42					
19	000799	0901080373	Nguyễn Ánh	Dương	19/08/2003	TM9A	Nữ	42					
20	000800	0901080856	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/12/2003	TM9A	Nữ	42					
21	000801	0901080517	Đào Thu	Hảo	10/06/2003	TM9A	Nữ	42					
22	000802	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	Nữ	42					
23	000803	0901080343	Nguyễn Thị Phú	Hoa	13/11/2003	TM9A	Nữ	42					
24	000804	0901080948	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/07/2003	TM9A	Nữ	42					
25	000805	0901080956	Vũ Thị	Hoa	12/04/2002	TM9A	Nữ	42					
26	000806	0901080953	Trần Thị Bích	Huyên	13/12/2002	TM9A	Nữ	42					
27	000807	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	Nữ	42					
28	000808	0901080262	Bùi Quang	Linh	21/03/2003	TM9A	Nam	42					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 27
Giảng đường: B4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000809	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM9A	Nam	42					
2	000810	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	Nữ	42					HP
3	000811	0901080439	Vũ Trà	My	21/01/2003	TM9A	Nữ	42					
4	000812	0901080283	Nguyễn Thanh	Nam	10/04/2003	TM9A	Nam	42					
5	000813	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	Nữ	42					
6	000814	0901080820	Trần Thu	Nguyệt	18/12/2003	TM9A	Nữ	42					HP
7	000815	0901080969	Phạm Thanh	Nhàn	01/01/2003	TM9A	Nữ	42					
8	000816	0901080091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	TM9A	Nữ	42					
9	000817	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	Nữ	42					
10	000818	0901080867	Trần Thị Mai	Phương	29/08/2003	TM9A	Nữ	42					
11	000819	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	TM9A	Nam	42					
12	000820	0901080841	Tòng Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	Nam	42					
13	000821	0901080555	Đặng Phương	Thảo	25/01/2003	TM9A	Nữ	42					
14	000822	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	Nữ	42					
15	000823	0901080970	Nguyễn Mạnh	Thiện	27/06/1993	TM9A	Nam	42					
16	000824	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	Nữ	42					
17	000825	0901080442	Vũ Thị	Trà	14/12/2003	TM9A	Nữ	42					
18	000826	0901030461	Đặng Thị	Trang	11/06/2003	TM9A	Nữ	42					
19	000827	0901080450	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/05/2003	TM9A	Nữ	42					
20	000828	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	Nữ	42					
21	000829	0901080431	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/08/2003	TM9A	Nữ	42					
22	000830	0901080216	Lê Quang	Trường	25/08/2003	TM9A	Nam	42					
23	000831	0901080010	Lê Thị	Tuyền	18/08/2003	TM9A	Nữ	42					
24	000832	0901080604	Đới Thị	Vân	07/02/2003	TM9A	Nữ	42					
25	000833	0901080632	Phan Hà	Vy	23/09/2003	TM9A	Nữ	42					
26	000834	0901080889	Nguyễn Hải	Yến	15/09/2003	TM9A	Nữ	42					
27	000835	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	Nữ	42					

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**